

Dịch phần tiếng Pháp

Trong **Dịch Tượng Luận** · Tử Vi Bí Kíp · Nguyễn Duy Cần

Dịch Tượng Luận – Tử Vi Bí Kíp (易象論 – 紫微秘笈) là một trong những tác phẩm quan trọng của học giả **Nguyễn Duy Cần** (1907–1998), bút hiệu **Thu Giang**. Sách bàn về ý nghĩa biểu tượng của các quẻ trong Kinh Dịch, kết hợp với góc nhìn Tây phương qua phân tâm học Jung và triết học so sánh.

Nguyên bản tiếng Việt có nhiều đoạn tác giả trích dẫn **tiếng Pháp** từ các công trình nghiên cứu Tây phương nhưng **không dịch ra tiếng Việt**. Trang này tập hợp các đoạn tiếng Pháp đó và dịch sang tiếng Việt để bạn đọc dễ theo dõi.

Trang này đặt **song song** nguyên văn tiếng Pháp (khối xanh) và bản dịch tiếng Việt (khối cam). Số trang trích dẫn từ sách gốc. Lỗi chính tả tiếng Pháp phần lớn đã được sửa, nhưng lỗi viết hoa, xuống dòng... tôi để nguyên.

Đi đến trang: [19–48](#) [84–118](#) [149](#) [208](#) [267–309](#) [327–368](#) [393–475](#) [487–535](#) [562](#) [603–622](#)

Trang 19

FRANÇAIS

Archétype du Père.

TIẾNG VIỆT

Nguyên mẫu (Archétype) của Cha.

Trang 19 & 20

FRANÇAIS

TIẾNG VIỆT

Dans mon étude sur "l'Archétype du Père" dans le Livre des Mutations, j'ai montré à quel point les symboles associés par la Tradition Chinoise au premier hexagramme (et qui n'est que la répétition du 1er trigramme Kien) demeurent pour nous plein de sens. Mais pareille exégèse peut être entreprise pour chaque trigramme et pour chaque hexagramme (...) Les Chinois associent au trigramme Khôn, la Mère, l'idée de Grande Voiture, nous pouvons joindre à leurs associations les "Images" de l'automobile, du wagon, de l'église, du navire et, de la manière générale, de toutes les formes creuses qui apparaissent dans les Rêves de l'homme moderne et évoquent de quelque façon le Ventre Maternel. (p. 33,34, le livre des Mutations)

La série des 8 Koua présente le reflet du Monde manifesté, mais c'est un reflet "statique" cristallisé en quelque sorte: C'est plutôt le Monde des Archétypes, des Idées-formatrices. Pour qu'il y ait mouvement et vie, il faut que les 8 trigrammes divins "jouent" entre eux, s'enlacent, se heurtent, s'harmonisent, s'unissent, se combattent..." (Méthode Pratique de Divination Chinoise, chap. II, p.35).

Trong nghiên cứu của tôi về "Nguyên mẫu của Cha" trong Kinh Dịch, tôi đã chỉ ra rằng các biểu tượng mà Truyền thống Trung Hoa liên kết với trùng quái đầu tiên (Thuần Kiền, là sự lặp lại của đơn quái Kiền) có nhiều nghĩa đối với chúng ta. Nhưng cách giải thích tương tự cũng có thể được áp dụng cho từng quái đơn và trùng quái (...).

Người Trung Quốc liên kết quái đơn « Khôn » với Nguyên Mẫu người Mẹ, của Cỗ Xe Lớn (Grande Voiture), chúng ta có thể thêm vào các liên kết của họ những "Hình ảnh" của xe hơi, toa xe lửa, nhà thờ, tàu thủy và, một cách tổng quát, tất cả các hình dạng rỗng xuất hiện trong Giác mơ của con người hiện đại và gợi lên một cách nào đó cái Bụng Mẹ. (trang 33,34, Le Livre des Mutations).

8 quái đơn (Bát Quái) phản chiếu Thế giới hiện hữu. nhưng đó là phản chiếu "tĩnh", theo kiểu cố định: Thực ra đó là Thế giới của các Nguyên mẫu, của Ý tưởng-tạo-hình. Để có chuyển động và sự sống, ta cần 8 quái đơn này « chơi » với nhau, áp ủ, xung đột, hòa hợp, hợp nhất, đối kháng với nhau... "

(Méthode Pratique de Divination Chinoise, chương II, trang 35).

Trang 48

FRANÇAIS

(plantes à la croissance particulièrement rapide).

TIẾNG VIỆT

(cây có sự tăng trưởng đặc biệt nhanh chóng)

Trang 84

FRANÇAIS

Ces 2 principes fondamentaux de tout ce qui existe sont alors symbolisés par les 2 trigrammes qui forment la base du Livre des Transformations, le Créateur et le Réceptif. On ne peut, en définitive, parler à ce propos de Dualisme car ces 2 principes sont incontestablement liés par une Relation réciproque fondée sur l'Unité. Ils ne se combattent pas, mais se complètent mutuellement. C'est précisément la différence de niveaux qui crée en quelque sorte une différence de potentiel et permet le Mouvement et la Manifestation vivante de l'Énergie." (Yi King, p. 320).

TIẾNG VIỆT

Hai nguyên tắc cơ bản của mọi sự tồn tại sau đó được biểu tượng hóa bởi 2 quái đơn tạo nên cơ sở của Kinh Dịch, Kiền (Càn) và Khôn. Cuối cùng, không thể nói về sự Đối lập bởi vì 2 nguyên tắc này chắc chắn được liên kết với nhau bởi một Mối quan hệ tương hỗ dựa trên Sự thống nhất.

Chúng không chống lại nhau, mà bổ sung cho nhau. Chính sự khác biệt về cấp độ tạo ra một loại chênh lệch tiềm năng và cho phép sự Chuyển động và Biểu hiện sống động của Năng lượng (Khí).

(Yi King, trang 320).

Trang 103

FRANÇAIS

(Tout est Mouvement).

TIẾNG VIỆT

(Mọi thứ đều là Chuyển Động)

Trang 118

FRANÇAIS

TIẾNG VIỆT

FRANÇAIS

"Notre siècle a été marqué, dans le domaine de l'esprit, par 2 recherches révolutionnaires capitales... La première de ces démarches, celle de la Physique contemporaine, en menant la Connaissance et l'Expérimentation jusqu'au cœur de l'Atome a fait éclater les conceptions traditionnelles de la Matière et de l'Energie, introduit un principe de Relativité dans notre Vision de l'Univers et mis entre les mains de l'Homme le le plus terrifiant plus exaltant des pouvoirs.

La deuxième, celle de la Psychologie des Profondeurs, et nous conférant des méthodes efficaces pour explorer l'Inconscient, a fait éclater les conceptions traditionnelles de l'Homme, de sa Nature et de ses responsabilités, introduit un principe de Relativité à l'égard même de toute entreprise philosophique ou scientifique et placé entre les mains de l'Homme des instruments inappréciables de Guérison, de Connaissances de soi qui, il est vrai, peuvent être également utilisés au profit des plus terribles entreprises

TIẾNG VIỆT

"Trong lĩnh vực tinh thần, thế kỷ của chúng ta đã được ghi nhận bởi 2 cuộc tìm kiếm có tính cách mạng... Cuộc tìm kiếm đầu tiên, của Vật lý hiện đại, bằng cách đưa Kiến thức và Thực nghiệm vào sâu tận nguyên tử, đã làm nổ tung các quan niệm truyền thống về Vật chất và Năng lượng, đưa nguyên lý Tương đối vào Cách nhìn của chúng ta về Vũ trụ và trao cho Con người quyền lực đáng sợ nhất và phi thường nhất.

Cuộc tìm kiếm thứ hai, của Tâm lý học bề sâu, bằng việc trao cho chúng ta các phương pháp hiệu quả để khám phá Tiềm thức, đã làm nổ tung các quan niệm truyền thống về con Người, về Bản chất và trách nhiệm của chúng ta, đưa nguyên lý Tương đối vào ngay cả mọi nỗ lực triết học hay khoa học và đặt vào tay Con người các công cụ quý giá ; để chữa lành, hiểu biết về bản thân. Cũng phải công nhận, nó cũng có thể được sử dụng cho những hành động kinh hoàng nhất để áp bức hay phá hủy Tính cách.

d'asservissement ou la destruction de la Personnalité.

Trang 208

FRANÇAIS

(Celui qui est conscient du danger crée la paix pour lui-même; celui qui le prend à la légère crée sa propre chute).

TIẾNG VIỆT

(Người ý thức được nguy hiểm tạo ra hòa bình cho chính mình; người coi thường nó tạo ra sự sụp đổ cho chính mình)

Trang 267

FRANÇAIS

(Rien ne se crée, rien ne se perd).

TIẾNG VIỆT

(Không có gì được tạo ra, không có gì bị mất đi).

Trang 271

FRANÇAIS

"Le Cosmos, manifestation visible de la Cause Primordiale inconnue et invisible, n'a jamais été et ne sera jamais qu'une suite ininterrompue d'évaporation et de contraction, d'évaporation et de condensation, de sommeil et de réveil, d'inspiration et d'expiration, d'involution, de matérialisation et de spiritualisation, d'intériorisation et d'extériorisation"...

"La Cause inconnue se réveille, et, durant des milliards d'années, les mondes s'irradient, se dispersent, s'expandent, se dilatent dans l'Espace; elle se

TIẾNG VIỆT

"Vũ trụ, biểu hiện hữu hình của Gốc Sơ Khai bí ẩn và vô hình, sẽ chỉ luôn luôn là một chuỗi liên tục không ngừng của sự bay hơi và co lại, bay hơi và ngưng tụ, ngủ và thức, hít vào và thở ra, sự hồi tụ, vật chất hóa và tâm linh hóa, nội hóa và ngoại hóa"...

Gốc bí ẩn thức tỉnh dậy, và suốt hàng tỷ năm, các cõi giới toả sáng, tản mát, giãn nở, nở rộ trong Không gian; nó lại chìm vào giấc ngủ, và cũng chính những cõi giới ấy, suốt hàng tỷ năm, lao tới từ mọi hướng chân trời, chúng hút nhau, tập trung, co lại và đông cứng, để không sinh, mà cũng

rendort, et les mêmes mondes,
durant des milliards d'années,
accourus de tous les points
d'horizon, s'attirent, se
concentrent, se contractent et se
coagulent, pour ne pas former,
sans périr, car rien n'est
périssable, qu'une masse unique
qui rentre dans la Cause
invisible!" (Le Grand Secret).

không hề diệt vong, bởi vì không
có gì là có thể diệt vong, ngoài
một khối lượng duy nhất trở về cái
Gốc vô hình!

(Le Grand Secret)

Trang 276

FRANÇAIS

"La question de l'influence de la
Lune sur la végétation est,
semble-t-il, aussi vieille que le
monde..."

TIẾNG VIỆT

ảnh hưởng của Mặt Trăng đối với
thực vật có vẻ như đã từ xa xưa
lắm rồi.

Trang 276+277

FRANÇAIS

Tous les bois, même ceux
d'essence très dure qui ont été
coupés en jeune Lune se sont
piqués très rapidement et n'ont
pas tardé à être impropres à tout
usage; tandis que ceux qui furent
coupés en vieille. Lune sont
restés, même au bout de
plusieurs années, dans 'un
excellent état de conservation. Et
ce, non pas à tel mois plutôt qu'à
tel autre, car j'ai encore la
curiosité de faire l'expérience
pendant chacune des lunaisons
de l'année et, invariablement, le
résultat a été le même. Le

TIẾNG VIỆT

Tất cả các loại gỗ, kể cả những
loại rất cứng đã được đốn khi
Trăng non đều nhanh chóng mục
nát và sớm không còn thích hợp
cho bất kỳ công dụng nào; trong
khi những loại được đốn khi Trăng
già thì ngay cả sau nhiều năm, vẫn
còn trong tình trạng bảo quản tốt.
Và điều này, không phụ thuộc vào
việc làm tháng này hay tháng kia,
bởi tôi có thực hiện thí nghiệm này
quanh năm, kết quả luôn luôn như
nhau. Gỗ Bancoulier theo đúng
nghĩa đen trở thành bụi sau 6
tháng; cùng loại gỗ đó được đốn

bancoulier, sombre littéralement en poussière au bout de 6 mois; le même bois abattu et débité en vieille-lune, se conserve plusieurs années sans altération."

và xè lúc Trăng già, có thể giữ vài năm mà không hỏng. "

Trang 277

FRANÇAIS

"Ne jamais planter aucun arbuste ou ombre fruitier pendant la première quinzaine de la lunaison si l'on veut obtenir une fructification convenable."

TIẾNG VIỆT

"Không bao giờ trồng bất kỳ loại cây bụi hay cây ăn quả nào trong nửa đầu của chu kỳ Mặt Trăng nếu bạn muốn cây ra trái."

Trang 278

FRANÇAIS

"Les ions positifs débilitent la santé, affaiblissent l'Énergie vitale, tandis que les ions-négatifs accroissent l'Énergie vitale et ramènent à la santé les organes débilités. Avec un accroissement des ions positifs du sang, les globules rouges précipitent et meurent plus rapidement que lorsque les ions-négatifs prédominent..."

TIẾNG VIỆT

"Các ion dương làm suy yếu sức khỏe, giảm năng lượng sống, trong khi các ion âm tăng cường năng lượng sống (Khí) và phục hồi sức khỏe cho các cơ quan bị suy yếu. Với sự gia tăng của ion dương trong máu, hồng cầu lắng đọng và chết nhanh hơn so với khi ion âm chiếm ưu thế... »

Trang 278

FRANÇAIS

Richard Wilhem possédait au suprême degré le charisme de la Maternité spirituelle. Il lui dut la pénétration intuitive jamais

TIẾNG VIỆT

Richard Wilhelm có được ở mức độ tối cao sức thu hút của Tình Mẫu thiêng liêng. Nhờ đó ông có được trực giác sâu sắc chưa từng

atteinte qui lui permet d'entrer dans l'Esprit de l'Orient (l'Orient, c'est la Femme, le Sphinx de l'Antiquité-égyptienne) et le rend apte à produire ses incomparables traductions du Yi-King..."

có, giúp ông thấu hiểu Tinh thần của Phương Đông (Phương Đông, là người Đàn bà, là con Nhân Sư (sphinx) của Ai Cập cổ đại) và làm cho ông có khả năng ra được những bản dịch Kinh Dịch mà không ai sánh kịp.

Trang 282

FRANÇAIS

"Au point de vue des rapports du champ magnétique terrestre avec les influences cosmiques et les réactions sur l'Organisme, les Chinois ont sur nous une avance de trois mille six cents ans (3.600)."

TIẾNG VIỆT

"Về mối quan hệ giữa từ trường Trái Đất với các ảnh hưởng vũ trụ và phản ứng đối với Cơ thể, người Trung Quốc đã đi trước chúng ta ba nghìn sáu trăm năm (3.600)."

Trang 286

FRANÇAIS

Regarde-moi, dit le Sphinx-Nature. Ange, Aigle, lion et Taureau, j'ai la Face auguste d'un Dieu et le Corps d'une Bête ailée et rugissante. Oh! homme qui passe... éphémère que tu es, tu n'as ni ma Croupe animale, ni mes griffes de lion, ni mes ailes d'aigle, mais ton buste est pareil au mien. Qui es-tu D'où viens-tu? Où vas-tu? Es-tu sorti du limon de la terre ou descends-tu du disque étincelant de ce glorieux soleil qui surgit là-bas de la Chaîne-arabique? Moi, Je suis. Je vole, Je sais depuis toujours. Car je

TIẾNG VIỆT

Nhìn ta đây, Nhân Sư - Tự Nhiên lên tiếng. Thiên Thần, Đại Bàng, Sư Tử và Kim Ngưu, ta có Khuôn Mặt uy nghi của một Vị Thần và Thân Hình của một Dã Thú có cánh đang gằm rú. Hỡi con người đang đi qua... phù du thay cho người, người không có Mông thú của ta, cũng không có vuốt sư tử của ta, cũng không có đôi cánh đại bàng của ta, nhưng thân trên của người giống hệt của ta. Người là ai? Người từ đâu đến? Người đi về đâu? Người sinh ra từ bùn đất hay người từ trên đĩa trời rớt rở của mặt trời vinh quang đang mọc

suis un des archétypes éternels qui vivent dans la Lumière incréée... mais... il m'est défendu de parler autrement que par ma Présence. Quant à toi, homme éphémère, voyageur obscur, ombre qui passe, cherche... et devine, sinon - désespère!".

lên từ Dãy Ả Rập kia mà xuống? Còn Ta, Ta Hiện Hữu. Ta bay, Ta Biết từ muôn đời. Vì Ta là một trong những nguyên mẫu vĩnh cửu sống trong Ánh Sáng vô thủy... nhưng... Ta bị cấm nói bằng cách nào khác ngoài sự Hiện Diện của Ta. Còn người, con người phù du, lũ khách mờ tối, cái bóng thoáng qua, hãy tìm kiếm... và đoán xem, bằng không — hãy tuyệt vọng!

Trang 287

FRANÇAIS

"Dans le tempérament cyclothymique, le caractère est en état de perpétuelles oscillations. Après une période normale, plus ou moins longue, où l'individu est gai, plein d'entrain, survient une phase de dépression, rien n'intéresse plus le malade, tout lui coûte; ensuite succède une période d'excitation qui se termine souvent par une nuit sans sommeil. Puis le cycle recommence." (p. 249, Les Rythmes psychologiques).

TIẾNG VIỆT

"Trong chứng tâm thần chu kỳ, tính cách luôn trong trạng thái luân phiên lên xuống không dứt. Sau một giai đoạn bình thường, (...), khi mà cá nhân vui vẻ, tràn đầy sinh khí, đến một giai đoạn trầm cảm, không còn điều gì khiến bệnh nhân hứng thú nữa, mọi thứ đều trở nên khó khăn; tiếp đến là một giai đoạn hưng phấn thường kết thúc bởi một đêm mất ngủ. Rồi chu kỳ lại bắt đầu lại. " (tr. 249, Les Rythmes psychologiques).

Trang 288

FRANÇAIS

"Comprendre ce Principe de Correspondance et de Rythme confère les moyens de résoudre bien des paradoxes obscurs et bien des secrets cachés de la

TIẾNG VIỆT

Nguyên Tắc "Trên Trời như thế nào, dưới Đất cũng như thế » (Thiên Nhân tương ứng)... liên quan đến Sự Thật và Hiện tượng của Các tầng bậc khác nhau của

Nature. Cette Loi-Universelle de Correspondance, les Anciens Initiés la considéraient comme un des instruments mentaux les plus importants à l'aide duquel l'homme était capable de renverser victorieusement les obstacles qui surgissaient en face de l'Inconnu..."

sinh vật và sự sống. ... Hiểu được nguyên tắc này giúp ta giải thích nhiều nghịch lý khó hiểu và nhiều bí mật ẩn giấu của Tự nhiên. Các thánh nhân hồi xưa kia coi đó như một trong những công cụ tinh thần quan trọng nhất, nhờ đó có thể lách qua các trở ngại che khuất « cái Không biết ».

Trang 309 & 310

FRANÇAIS

"... et depuis que nous sommes entrés dans le siècle d'Acier, l'accélération du Progrès technique a pris une allure tellement vertigineuse que le Déséquilibre est devenu cataclysmique, ainsi qu'on a pu le constater au cours de la 2nde guerre mondiale et il est évident que, dans les conditions actuelles, une Troisième Guerre mondiale aboutirait cette fois à la Destruction totale de la Civilisation contemporaine." (p. 176-177 Les 4 âges de l'Humanité).

TIẾNG VIỆT

"...và từ khi chúng ta bước vào thế kỷ Thép, sự tăng tốc của Tiến bộ kỹ thuật đã diễn ra với một tốc độ chóng mặt đến nỗi sự mất cân bằng đã trở thành thảm họa, như chúng ta có thể quan sát được trong suốt Thế chiến thứ hai và có thể thấy rằng, dưới điều kiện hiện tại, một cuộc Chiến tranh Thế giới thứ ba sẽ dẫn đến sự Huỷ diệt toàn diện của Nền văn minh đương đại." (trang 176-177, Les 4 âges de l'Humanité).

Trang 327

FRANÇAIS

"Seuls, les Médecins qui savent agir sur ces 8 vaisseaux en plus des 12 Kings, peuvent déraciner le Mal qui est parfois très très profond et souvent plus qu'on

TIẾNG VIỆT

"Chỉ có các Bác sỹ biết tác động lên 8 kinh mạch này ngoài 12 Kinh chủ mới có khả năng nhổ tận gốc căn bệnh, đôi khi cực kỳ sâu và thường sâu hơn chúng ta tưởng

peut le penser... L'utilisation des Huit vaisseaux de l'Acupuncture Chinoise constitue donc une Acupuncture supérieure, réservés aux seuls Initiés de cette Science Millénaire".

tượng... Việc sử dụng 8 kinh mạch của Châm cứu Trung Hoa tạo nên một phương pháp Châm cứu cao cấp, dành riêng cho những kẻ đã được bí truyền Khoa học đã có từ Ngàn xưa này."

Trang 328

FRANÇAIS

"l'anneau de Gengis Khan, sur lequel est gravé un Swastika".

TIẾNG VIỆT

"Chiếc nhẫn của Thành Cát Tư Hãn, trên đó khắc hình chữ Vạn (Swastika)."

Trang 330

FRANÇAIS

"Agir toujours dans le même sens et de la même manière, c'est surcharger un seul plateau de la balance et il en résultera bientôt la destruction absolue de l'équilibre. La perpétuité des caresses engendre vite la satiété, le dégoût et l'antipathie, de même qu'une froideur ou une sévérité constante éloigne à la longue et décourage l'affection.

TIẾNG VIỆT

"Luôn hành động theo cùng một hướng và cùng một cách sẽ chỉ làm nặng một bên của cán cân và sẽ sớm dẫn đến sự phá hủy hoàn toàn của cân bằng. Sự vượt ve liên tục sẽ nhanh chóng tạo ra sự chán chường, ghê tởm và bất cảm, tương tự như lạnh lùng hoặc nghiêm khắc thường xuyên sau một thời gian dài sẽ làm xa rời và mất đi tình cảm."

Trang 331

FRANÇAIS

"Ce sont précisément les répétitions apparentes qui en découvrent sans cesse de nouveaux aspects."

TIẾNG VIỆT

"Chính những sự lặp lại lộ liễu đó lại tiết lộ liên tục những khía cạnh mới »

Trang 332

FRANÇAIS

"Lis, lis, relis, prie et tu trouveras".

TIẾNG VIỆT

"Đọc, đọc, đọc đi đọc lại, cầu nguyện và bạn sẽ tìm thấy".

Trang 333

FRANÇAIS

"Notre siècle a été marqué, dans le domaine de l'esprit, par 2 recherches révolutionnaires qui, de quelque façon, l'ont arraché à révolution naturelle de l'Histoire telle, du moins, qu'on la conçoit dans notre mode de pensée occidental.

TIẾNG VIỆT

(đã dịch ở trang 149)

"Trong lĩnh vực tinh thần, thế kỷ của chúng ta đã được ghi nhận bởi 2 cuộc tìm kiếm có tính cách mạng... mà bằng một cách nào đó, chúng đã thay đổi hẳn sự tiến triển tự nhiên của Lịch sử (ít nhất theo cách hiểu của phương Tây).

Trang 334

FRANÇAIS

La première de ces démarches, celle de la Physique contemporaine, en menant la Connaissance et l'expérimentation Jusqu'au Cœur de l'Atome, a fait éclater les conceptions traditionnelles de la Matière et de l'énergie, Introduit un principe de Relativité dans notre vision de l'Univers et mis entre les mains de l'homme le plus terrifiant plus exaltant des pouvoirs.

La deuxième, celle de la Psychologie des Profondeurs (psychanalyse) en nous confirmant des méthodes

TIẾNG VIỆT

Cuộc tìm kiếm đầu tiên, của Vật lý hiện đại, bằng cách đưa Kiến thức và Thực nghiệm vào sâu tận nguyên tử, đã làm nổ tung các quan niệm truyền thống về Vật chất và Năng lượng, đưa nguyên lý Tương đối vào Cách nhìn của chúng ta về Vũ trụ và trao cho Con người quyền lực đáng sợ nhất và phi thường nhất.

Cuộc tìm kiếm thứ hai, của Tâm lý học bề sâu, bằng việc trao cho chúng ta các phương pháp hiệu quả để khám phá Tiềm thức, đã làm nổ tung các quan niệm truyền thống về con Người, về Bản chất và trách nhiệm của chúng ta, đưa

efficaces pour explorer l'inconscient, a fait éclater les conceptions traditionnelles de l'homme, de sa nature et de ses responsabilités, Introduit un principe de Relativité à l'égard même de toute entreprise philosophique ou scientifique et placé entre les mains de l'homme des instruments inappréciables de Guérison, de Connaissance de soi, qui, il est vrai, peuvent être également utilisés au profit des plus terribles entreprises d'asservissement ou de destruction de la Personnalité".

nguyên lý Tương đối vào ngay cả mọi nỗ lực triết học hay khoa học và đặt vào tay Con người các công cụ quý giá ; để chữa lành, hiểu biết về bản thân. Cũng phải công nhận, nó cũng có thể được sử dụng cho những hành động kinh hoàng nhất để áp bức hay phá hủy Tính cách.

Trang 335

FRANÇAIS

"Connais-toi toi-même".

TIẾNG VIỆT

"Hãy tự biết rõ chính mình".

Trang 336

FRANÇAIS

"la Matière, c'est de l'Énergie condensée".

TIẾNG VIỆT

"Vật chất, đó là Năng lượng (Khí) được cô đọng".

Trang 337

FRANÇAIS

"L'acte de la connaissance de Soi est extrêmement difficile, du fait que, cherchant l'Individu, on se heurte partout sur tous les registres - à du Collectif. Nos problèmes les plus angoissants,

TIẾNG VIỆT

"Hành động nhận thức về bản thân là vô cùng khó khăn, vì khi tìm kiếm Cá nhân, chúng ta gặp phải - ở khắp mọi nơi trên mọi lĩnh vực - những điều thuộc về Tập thể. Những vấn đề đáng sợ nhất

nos drames les plus douloureux, ne sont-ils pas ceux d'une certaine façon de sentir, de penser, de se comporter, commune à un groupe national, confessionnel ou de classe? La plupart de nos tragédies familiales ne sont-elles pas dues à ce que nous nous identifions à certaines façons traditionnelles, collectives, de se comporter? Cela est si vrai que des tragédies provoquées par des mœurs et des coutumes qui nous sont étrangères nous semblent monstrueuses. Et si, dominés par notre Religion, nous cherchons la solution du problème que pose pour nous cette religion, auprès d'un directeur de conscience, nous prétendons guérir le mal par le mal!

Si, au contraire, nous acceptons comme valeur la Connaissance-de-soi, donc que nul ne peut nous connaître si ce n'est nous-mêmes, nous rejetterons toute croyance, toute tradition, tous les textes saints et sacrés, d'Orient et d'Occident, toute représentation de l'homme et du monde, toute conception philosophique, toute idéologie, et jusqu'à toute façon de penser, en effet, seul un esprit frais, neuf, simple dans le vrai sens du mot, peut voir ce qui est. Tout ce que l'on enseigne empêche cette vision." Pure mensonge!

của chúng ta, những bi kịch đau đớn nhất, phải chăng không phải là cái cách cảm nhận, suy nghĩ, hành xử chung của một nhóm quốc gia, tôn giáo hoặc tầng lớp? Đa số những bi kịch gia đình của chúng ta không phải do cách chúng ta tự gán mình vào một số cách cư xử truyền thống, tập thể sao? Điều đó quá đúng đến nỗi, những bi kịch được gây ra bởi những phong tục và tục lệ xa lạ khác, đối với chúng ta lại trở nên quái đản. Và nếu như, bị lấn át bởi Tôn giáo của chúng ta, chúng ta tìm kiếm giải pháp cho vấn đề mà tôn giáo này đặt ra cho chúng ta thông qua một người hướng dẫn linh hồn, chúng ta lại đang chữa bệnh bằng chính cái bệnh đó!

Ngược lại, nếu chúng ta chấp nhận « nhận thức bản thân » như một giá trị, tức là không ai có thể hiểu chúng ta bằng chính bản thân mình, chúng ta sẽ từ bỏ mọi niềm tin, mọi truyền thống, tất cả các văn tự thiêng liêng, từ Đông sang Tây, mọi hình tượng về con người và thế giới, mọi quan điểm triết học, mọi hệ tư tưởng, và thậm chí là mọi cách suy nghĩ, bởi vì chỉ có một tâm hồn tươi mới, tinh khôi, đơn giản theo đúng nghĩa của từ, mới có thể nhìn thấy sự thật. Mọi thứ được dạy đều ngăn chặn việc soi chiếu này. » Thật đối trá !

Ta biết ta là gì, theo Krishnamurti, đó là Chân lý.

"Nous voir exactement tels que nous sommes, c'est cela, pour Krishnamurti, la Vérité."

Trang 339

FRANÇAIS

"Tout être humain possède un Sur-Moi normal. C'est celui qui est formé par son éducation (dans le sens large), le climat social, religieux, culturel, etc... dans lequel il fût élevé. De toute façon, le Sur-Moi normal produit des "préjugés" inconscients.

Le sur-moi normal est comme un Code de la route qu'on respecte machinalement, en quelque sorte. Ce sont alors des préjugés rigides et sclérosés, qui rétrécissent l'intelligence et la lucidité.

Des millions d'êtres vivants vivent sur leur Sur-moi (inconscient) au lieu de vivre sur leur Moi conscient. Mais ils l'ignorent. Ce Surmoi commande leurs actions: que ce soit l'achat d'une cravate, leur mariage et le choix de leur partenaire, leur profession, leurs principes, l'éducation qu'ils donnent, leur façon d'exercer leur religion et leur métier, leur morale, etc. Sur-Moi signifie quelque chose ajouté au Moi, et placé au-dessus du Moi-brut.

Il ne se forme pas en un jour. Il prend son temps. Tout être humain, dès l'enfance, tente de

TIẾNG VIỆT

"Mỗi con người đều sở hữu một cái « siêu ngã » bình thường. Đó là cái được hình thành bởi sự giáo dục (nghĩa rộng), bối cảnh xã hội, tôn giáo, văn hóa, v.v... nơi mà họ đã được nuôi dưỡng. Dù thế nào đi chăng nữa, Cái Siêu Ngã bình thường tạo ra những "định kiến" tiềm ẩn.

Cái Siêu Ngã bình thường giống như một Luật giao thông mà ta tuân theo một cách máy móc, có thể nói vậy. Đó là những định kiến cứng nhắc và bị xơ cứng, chúng co hẹp trí tuệ và sự sáng suốt.

Hàng triệu sinh vật sống dựa vào cái Siêu Ngã (vô thức) của họ thay vì sống trên cái Tôi ý thức của mình. Nhưng họ không biết điều này. Cái Siêu Ngã đó chi phối hành động của họ: dù là mua một chiếc cà vạt, tiến tới hôn nhân và việc lựa chọn bạn đời của họ, nghề nghiệp, nguyên tắc của họ, cách giáo dục con cái, cách họ thực hành tôn giáo và công việc của mình, đạo đức v.v.

Cái Siêu Ngã có nghĩa là cái gì đó được thêm vào cái Tôi, và đặt lên trên cái Tôi nguyên thủy.

s'épanouir et de développer sa personnalité autonome.

Mais, souvent, l'éducation devient une pelletée d'interdictions sous peine de sanctions.

Beaucoup d'éductions pourrait se résumer comme ceci:

- Gare à toi, si tu fais cela!

Nó không hình thành trong một ngày. Nó cần có thời gian. Người nào cũng thế, ngay từ thuở ấu thơ, đều cố gắng tỏa sáng và phát triển cá nhân tính độc lập của mình.

Nhưng, thường thì giáo dục trở thành một đồng cấm đoán kèm theo hình phạt. Rất nhiều cách giáo dục có thể được tóm gọn như sau:

- Cảnh thận đấy, nếu con làm điều đó!

Trang 340

FRANÇAIS

Imaginons un parent tyrannique : l'éducation qu'il donne tourne autour de:

-Gare à toi si tu n'obéis pas aveuglément, sans discussion!

-Gare à toi si tu oses être libre, spontané, autonome!

- Gare à toi si tu oses agir d'après ta personnalité propre.

-Gare à toi si tu oses te révolter contre moi!

-Gare à toi si tu ne respectes pas mes lois!

-Gare à toi si tu n'agis pas selon le rôle que j'exige de toi!

Le Moi commence donc à obéir aux ordres du Surmoi (Inconscient). L'enfant (ou l'adolescent) cesse d'être lui-

TIẾNG VIỆT

Hãy tưởng tượng một ông bố bà mẹ bạo chúa: việc giáo dục mà họ đưa ra xoay quanh:

- Cảnh thận đấy, nếu con không vâng lời một cách mù quáng, không tranh luận!

- Cảnh thận đấy, nếu con dám tự do, tự phát, độc lập!

- Cảnh thận đấy, nếu con dám hành động dựa trên tính cách của chính con.

- Cảnh thận đấy, nếu con dám nổi loạn chống lại ta!

- Cảnh thận đấy, nếu con không tôn trọng luật lệ của ta!

- Cảnh thận đấy, nếu con không hành động theo vai trò mà ta yêu cầu!

même, et joue de plus en plus un rôle.

Il a donc joué le rôle exigé par l'éducateur. Il joue maintenant le rôle imposé par le Surmoi (qui est devenu le réservoir inconscient des interdits produits par l'éducation).

La personnalité autonome disparaît. Elle est engloutie par le sur-moi. Une fausse personnalité apparaît, gonflée de scrupules, d'angoisses, de peurs; l'homme est dépersonnalisé, raidi, soumis à ses gendarmes intérieurs qui le jugent sans cesse et dictent son comportement.

Le Sur-moi produit une fausse morale rigide qui n'a rien à voir avec une morale individuelle et volontaire. La spontanéité disparaît: l'être est mangé par son Sur-moi.

La morale du Sur-moi, c'est la morale-prison.

Le Surmoi devient la Douane, la Gendarmerie autonome et subconsciente de l'individu.

Le Sur-moi s'est formé par une transformation sociale et morale imposée par les autres. Le Surmoi est un Moi "inhibé" par l'Éducation, c'est un Moi ayant subi un dressage. Il n'a rien

Cái Tôi bắt đầu tuân theo mệnh lệnh của Siêu ngã (Vô thức). Đứa trẻ (hoặc thiếu niên) không còn là chính mình, và càng ngày càng nhập vai nhiều hơn. Nó đã nhập vào vai mà người giáo dục yêu cầu. Bây giờ nó diễn vai do Siêu Ngã áp đặt (nó đã trở thành người giữ một cách vô thức các lệnh cấm do giáo dục sản sinh).

Tính cách độc lập biến mất. Nó bị nuốt chửng bởi Siêu Ngã. Một tính cách giả mạo xuất hiện, đầy rẫy những niềm canh cánh, sự sợ hãi, nỗi ám ảnh; con người bị mất đi tính cách, trở nên cứng nhắc, phục tùng cho những cảnh sát nội tâm luôn luôn đánh giá và chi phối hành vi của mình. Siêu Ngã tạo ra một đạo đức giả mạo cứng nhắc không có gì liên quan đến một đạo đức cá nhân và tự nguyện. Sự tự phát mất đi. Con người bị Siêu Ngã nuốt chửng.

Đạo đức của Siêu Ngã, đó là đạo đức của tù ngục.

Siêu Ngã trở thành Hải quan, Cảnh sát độc lập và tiềm thức của cá nhân.

Cái Tiềm thức được hình thành thông qua một quá trình chuyển hóa xã hội và đạo đức mà người khác áp đặt. Tiềm thức là một cái Tôi "bị kim hãm" bởi Giáo dục, đó là một cái Tôi đã trải qua quá trình huấn luyện. Nó không có gì

FRANÇAIS

de spontané, mais il permet une vie en commun, car le Surmoi est dû à la pression sociale qui oblige le moi à se conformer aux convenances.

L'Individu est-il l'instrument ou la fin de la Société? En tant qu'individus, devons-nous être utilisés, dirigés, instruits, contrôlés, façonnés par les Gouvernements pour la Société, l'Etat; ou la Société, l'Etat, sont-ils au service de l'Individu?

L'Individu est-il une fin pour la Société ou un pantin à instruire, exploiter et mener à l'abattoir pour les besoins de la guerre? Question Vitale pour notre monde actuel!"

TIẾNG VIỆT

là tự phát, nhưng nó cho phép cuộc sống cộng đồng, vì Siêu Ngã xuất phát từ áp lực xã hội buộc tôi phải tuân thủ các quy tắc chung.

Cá nhân có phải là công cụ hay mục tiêu của Xã hội không? Là cá nhân, chúng ta có cần phải được sử dụng, chỉ đạo, giáo dục, kiểm soát, định hình bởi Chính phủ cho Xã hội, Nhà nước; hay Xã hội, Nhà nước là để phục vụ Cá nhân? Cá nhân có phải là mục tiêu cho Xã hội hay chỉ là một con rối để giáo dục, khai thác và dẫn dắt đến lò mổ vì những nhu cầu của chiến tranh không? Đây là một Vấn đề Sống Còn cho thế giới hiện tại của chúng ta!

Trang 342

FRANÇAIS

"Il est absolument nécessaire et urgent que se produise une Révolution Radicale dans les consciences: une véritable mutation de l'entière structure psychologique de l'Homme..."

Son thème fondamental est celui-ci: "Il y a espoir en l'Homme, non en ta Société, en les Systèmes religieux organisés... mais en Vous et en Moi". Il n'apporte ni auto-discipline, ni prière, ni quelque yoga, mais tente d'ouvrir

TIẾNG VIỆT

"Việc hết sức cần thiết và cấp bách là phải có một Cuộc Cách mạng Triệt để trong ý thức: một sự thay đổi thực sự của toàn bộ cấu trúc tâm lý của Con người.. "

Chủ đề cơ bản của nó là: "Vẫn có hy vọng ở Con người (không phải ở Xã hội, các Hệ thống tôn giáo có tổ chức...) mà là ở Bạn và Tôi". Nó không mang lại sự tự kỷ luật, cầu nguyện hay bất kỳ yoga nào, nhưng cố gắng mở màn cho một suy nghĩ, hay đúng hơn là một thái

des voiles à une pensée, on plutôt à une attitude mentale libérée de tout conditionnelle.

"Déconditionner la totalité de la Conscience".

"C'est une explosion totale à l'intérieur des couches inexplorées de la Conscience..."

độ tinh thần không bị áp đặt từ bất kỳ điều kiện nào.

"Giải phóng toàn bộ Ý thức khỏi giáo điều".

"Đây là một sự bùng nổ toàn diện ở trong những tầng chưa được khám phá của Ý thức. . ."

Trang 343

FRANÇAIS

Contient notre histoire personnelle, nos expériences vécues, les refoulements, les complexes pathologiques.

Contient des expériences émotionnelles de toute l'humanité (Archétypes).

L'archétype du Père et de la Mère, (archétype ancestral).

(champs d'action de la Psychanalyse ou de la Psychologie des Profondeurs)

Réservoir des pulsions élémentaires (instincts).

- instincts agressifs.
- Instincts sexuels.

Reproduction: l'Amour et Ses mystères.

- Mécanismes de conservations (amour de la Vie)

1. Conservation de l'Individu

- Combativité (1)

TIẾNG VIỆT

Chứa đựng lịch sử cá nhân, những trải nghiệm đã sống, sự kìm nén, những phức cảm bệnh lý.

Chứa đựng những trải nghiệm cảm xúc của toàn nhân loại (nguyên mẫu).

Nguyên mẫu của Cha và Mẹ, (nguyên mẫu tổ tiên).

(phạm vi hoạt động của Phân tâm học hay Tâm lý học Sâu)

Là nơi chứa đựng các động lực nguyên thủy (bản năng).

- bản năng hung hãn.
- Bản năng tình dục.

Sinh sản: Tình yêu và những bí ẩn của nó.

- Cơ chế tự bảo vệ (tình yêu cuộc sống)

1. Bảo tồn cá nhân

- Chiến đấu (1)
- Ăn uống (2)

2. Bảo tồn loài

- . Alimentaire (2)

2. Conservation de l'espèce

- Sexualité (3)

- Parentale ou maternelle (4).

Le Moi de l'enfant est attaqué de toutes parts.

On commence par façonner ce Moi. en fonction des normes sociales, culturelles, religieuses, géographiques, politiques, etc.... dans lesquels vit l'enfant (...ou plutôt les parents de l'enfant).

- Tính dục (3)

- Làm cha mẹ hoặc làm mẹ (4).

Cái tôi của đứa trẻ bị tấn công từ mọi phía.

Chúng ta bắt đầu bằng cách hình thành cái tôi đó dựa trên các tiêu chuẩn xã hội, văn hóa, tôn giáo, địa lý, chính trị, v.v. ... mà đứa trẻ (... hay đúng hơn là cha mẹ của đứa trẻ) sống trong đó (...).

Trang 344

FRANÇAIS

"Notre conscient ou "mental-émotion" est semblable à un "Iceberg" dont la grande partie est profondément immergée, une seule fraction (1/10) dépassant les eaux. Cette couche superficielle nous est familière, mais nous n'en connaissons qu'une connaissance confuse. Nous ignorons presque totalement la partie cachée, plus vaste, plus profonde et nous ne la connaissons que par les Rêves, à travers des avertissements occasionnels, mais ces Rêves et ces suggestions, nous les interprétons selon nos préjugés et nos capacités intellectuelles toujours limités. Ainsi ces

TIẾNG VIỆT

"Ý thức của chúng ta hay 'tâm trí-cảm xúc' giống như một "tảng băng trôi", phần lớn nằm sâu dưới nước, chỉ một phần nhỏ (1/10) lộ ra khỏi mặt nước. Lớp trôi lên này là thứ quen thuộc với chúng ta, nhưng chúng ta chỉ biết về nó một cách mơ hồ. Chúng ta gần như không biết gì về phần ẩn khuất, rộng lớn và sâu hơn, và chỉ biết đến nó thông qua Giác mơ, thông qua những cảnh báo thỉnh thoảng nhận được. Nhưng những Giác mơ và gợi ý này, chúng ta giải thích chúng dựa trên định kiến và khả năng trí tuệ hạn chế của mình. Vì vậy, những cảnh báo này mất đi ý nghĩa thuần khiết và sâu sắc của chúng."

avertissements perdent leur
signification pure et profonde."

Trang 346

FRANÇAIS

L'Inconscient collectif est un
Inconscient supérieur. C'est un
héritage mental commun à toute
l'humanité, sans distinction de
culture ni de race. Cet
Inconscient collectif se manifeste
à travers les Archétypes et les
Symboles. Ainsi, l'Inconscient
Collectif nous fait toucher les
tréfonds de l'homme, depuis
toujours inchangés.

L'Inconscient collectif est
cosmique puisqu'il englobe
l'expérience éternelle de
l'Homme, et les archétypes le
sont aussi... puis qu'ils en
émanent.

TIẾNG VIỆT

Vô thức tập thể là một vô thức cao
cấp hơn. Đó là một di sản tinh
thần chung cho toàn nhân loại,
không phân biệt văn hóa hay
chủng tộc. Vô thức tập thể này
bộc lộ qua các Nguyên mẫu và
Biểu tượng. Như vậy, Vô thức Tập
thể giúp chúng ta chạm đến tận
cùng con người, không bao giờ
thay đổi.

Vô thức tập thể là vũ trụ vì nó bao
gồm trải nghiệm vĩnh cửu của Con
người, và các Nguyên mẫu cũng
vậy... vì chúng phát ra từ đó.

Trang 346

FRANÇAIS

Un exemple de l'Archétype de
Dieu

TIẾNG VIỆT

Một ví dụ về Nguyên mẫu
(archétype) của Chúa Trời

Trang 346

FRANÇAIS

L'idée de Dieu est probablement
la plus ancienne de l'histoire des
hommes.

TIẾNG VIỆT

Ý tưởng về Chúa Trời có lẽ là ý
tưởng cổ xưa nhất trong lịch sử
loài người.

FRANÇAIS

Elle s'est implantée dans l'Inconscient à partir d'émotions profondes gravitant autour de: Force invisible, Puissance créatrice ou Destructive, Énergie éternelle, etc.

L'Archétype de Dieu est intimement lié à l'archétype du Père. Ce dernier est également cristallisé autour d'émotions puissantes ressenties dès l'enfance devant l'idée d'un être fort, héroïque, glorieux, qui guide, éclaire, prépare le chemin; d'un être dont on est le fils, méritant le châtement, le pardon, l'approbation, l'amour, etc. (comme le Dieu des chrétiens). (Le fait que l'idée de Dieu est un archétype ne constitue nullement une preuve de l'existence ou de l'absence de Dieu...)

Quel archétype est le plus ancien et le plus profond? Celui de Dieu ou celui du Père? "Mon Père, qui est aux cieux!" Nul ne peut le dire. Les symboles jaillissant de ces 2 archétypes sont inextricablement liés! Ils éclatent à travers l'histoire humaine, depuis le chef de clan, jusqu'au Père punisseur de l'Ancien Testament, ou au Père bienveillant du Nouveau Testament (restons ici dans la seule histoire occidentale).

TIẾNG VIỆT

Nó đã định hình trong Tiềm thức từ những cảm xúc sâu sắc xoay quanh các khái niệm như: Sức mạnh vô hình, Quyền năng sáng tạo hoặc Phá huỷ, Năng lượng vĩnh cửu, v.v.

Nguyên mẫu của Đức Chúa Trời gắn liền mật thiết với Nguyên mẫu của Người Cha. Nguyên mẫu này cũng được cố định xung quanh những cảm xúc mạnh mẽ cảm nhận từ thuở nhỏ, trước ý niệm về một người mạnh mẽ, anh hùng, rạng rỡ, người hướng dẫn, soi đường, chuẩn bị con đường; một người mà ta là con của Ngài, xứng đáng nhận hình phạt, sự tha thứ, sự chấp thuận, tình yêu, v.v. (như Đức Chúa Trời của người Cơ đốc giáo). (Việc ý niệm Đức Chúa Trời là một Nguyên mẫu không hề là bằng chứng cho sự tồn tại hay vắng mặt của Đức Chúa Trời...)

Nguyên mẫu nào là cổ xưa và sâu đậm nhất? Đó là Nguyên mẫu của Đức Chúa Trời hay của Người Cha? "Lạy Cha, người ở trên trời!" Không ai có thể nói chắc. Những biểu tượng phát sinh từ cả hai Nguyên mẫu này đều quện chặt với nhau! Chúng bùng nổ qua lịch sử loài người, từ người đứng đầu bộ lạc, cho đến Người Cha phạt hiểu trong Cựu Ước, hay Người Cha tử bi trong Tân Ước (hãy gói gọn ở đây trong lịch sử của phương Tây).

Quelques symboles des
Archétypes de Dieu et du Père.

C'est assez simple au départ, si on songe à "Notre Père qui est aux cieux!" Pourquoi "aux cieux"? Pourquoi "en haut"? Pourquoi pas ailleurs, en bas, à gauche, ou à droite? Parce que les regards des hommes poncifs plongés dans le vertigineux abîme d'un Ciel sans limite (= éternel) qui, selon nos propres dimensions, semble se trouver en haut. Il était donc logique d'y projeter une idée de Force Colossale et invisible. Aucun peuple ne s'en est privé, tout le monde a placé Dieu dans le fond du Ciel! L'a muni de connaissances et de pouvoirs absolus: châtier, créer, tuer,

Một số biểu tượng của Nguyên mẫu Đức Chúa Trời và Người Cha.

Ban đầu rất đơn giản, khi bạn nghĩ về câu cầu nguyện "Lạy Cha, người ở trên trời!" Tại sao lại "ở trên trời"? Tại sao "phía trên"? Tại sao không ở nơi khác, phía dưới, bên trái, hoặc bên phải? Bởi vì ánh mắt của loài người chúng ta dừng lại ở vực thẳm choáng ngợp của một Bầu trời không giới hạn (= vĩnh cửu) mà, theo những chiều hướng của chính chúng ta, dường như ở phía trên. Do đó, rất hợp lý khi dựng lên ý niệm về một Sức mạnh Khổng lồ và vô hình ở trên trời. Không có dân tộc nào không làm như vậy, tất cả mọi người đều đặt Đức Chúa Trời vào sâu trong lòng Trời! Ngài được trang bị những kiến thức và quyền năng tuyệt đối: trừng phạt, sáng tạo, giết chóc,

Trang 348

FRANÇAIS

punir, rejeter (en enfer, situé "en bas", bien entendu, comme la "cave obscure" où on enferme des enfants méchants). La plupart des peuples du monde lui ont même donné les mêmes armes: la Foudre, le Tonnerre, le Vent, etc.

On pourrait d'ailleurs compter par millions les adultes qui en punissant leurs péchés (!), ou qui clament devant un Cataclysme

TIẾNG VIỆT

phạt, loại trừ (xuống địa ngục, tất nhiên là nằm "bên dưới", như "tầng hầm tối tăm" nơi trẻ em nghịch ngợm bị nhốt vào). Hầu hết các dân tộc trên thế giới thậm chí còn trang bị cho chúa những vũ khí giống nhau: Sấm sét, Chớp, Gió, v.v.

Người ta có thể tính hàng triệu người lớn, khi họ tự phạt mình (!), hay trước một Thảm họa tự nhiên,

naturel: "C'est le châtement qui vient d'en haut". Nous sommes donc ici, également dans l'Archétype du Père qui "voit tout", "sait tout" (c'est Papa qui l'a dit, donc c'est la vérité pure), et punit l'enfant qui enfreint la loi.

À partir de cet Archétype de Dieu (du Père), on trouve encore beaucoup de symboles, marquant l'humanité en général, et la vie de chaque individu en particulier. Nous ne pourrions évidemment qu'en survoler rapidement quelques-uns, à titre d'exemple.

Le Soleil est un magnifique symbole de Dieu et du Père, (Le soleil est un "œil" qui "voit tout", un "phare" qui guide, rassure après la nuit dangereuse, féconde la Terre. Certains peuples considèrent les rayons du Soleil comme une Réalité solide qui "perce" la Terre (la Terre-Mère), comme le Phallus perce la Femme pour la féconder.

Il ne faut évidemment pas chercher loin pour trouver des symboles quotidiens dérivés du Soleil: les cœurs flamboyants des Religions, la Flamme d'Amour, la Flamme éternelle du Souvenir; certains animaux par exemple le Coq de l'apôtre Pierre (qui est un animal "solaire" non seulement parce qu'il féconde, chante quand le Soleil se lève, mais aussi parce que sa crête a la forme

họ sẽ kêu lên: "Đó là hình phạt từ trên cao". Chúng ta ở đây cũng đề cập đến Hình tượng của người Cha "thấy mọi thứ", "biết tất cả" (bởi Cha đã nói, vậy nên đó là sự thật không thể chối cãi), và trừng phạt đứa trẻ phạm luật.

Từ Hình tượng của Đức Chúa Trời (người Cha) này, chúng ta có thể tìm thấy nhiều biểu tượng khác, gây dấu ấn cho toàn nhân loại nói chung, và đời sống mỗi cá nhân nói riêng. Chúng ta rõ ràng chỉ có thể nhanh chóng điếm qua một số ví dụ mà thôi.

Mặt trời là biểu tượng tuyệt vời của Đức Chúa Trời và của người Cha, (Mặt trời là một "mắt" "thấy mọi thứ", một "ngọn hải đăng" hướng dẫn, an ủi sau đêm nguy hiểm, làm cho Đất phì nhiêu). Một số dân tộc coi tia nắng Mặt trời như một Thực thể vững chắc "xuyên" qua Đất (Đất Mẹ), giống như Dương vật xuyên qua Người Phụ nữ để thụ tinh.

Rõ ràng không cần phải tìm kiếm ở đâu xa các biểu tượng hằng ngày xuất phát từ Mặt trời: những trái tim rực lửa của các Tôn giáo, Ngọn lửa của Tình yêu, Ngọn lửa vĩnh cửu của Ký ức; một số con vật chẳng hạn như Con gà của tông đồ Pierre (đây là một sinh vật "mặt trời" không chỉ vì nó thụ tinh, gáy lên khi Mặt trời mọc, mà còn vì mào của nó có hình dáng

FRANÇAIS

d'un Soleil rayonnant); le taureau, fécondateur puissant, animal "solaire", vénéré de tous les temps, associé au Ciel et à la Foudre, et déifié; certains grands Hommes "haut" placés, de "haute moralité" (qui sont de véritables "soleils"), etc.

Songez aux Rois. Ils ne signifient pas grand-chose, en civil. Mais, nantis de leur couronne et de leur trône, tout change; une émotion apparaît, des peuples se mettent en marche. Pourquoi? La couronne "solaire". Elle concrétise l'Archétype du Père (et de Dieu). Depuis, les marches du trône marquent un changement de niveau. Elles permettent de monter vers en haut. Ainsi, un homme passe du matériel au spirituel, Il devient Roi, Père de son Peuple, mais désormais séparé de lui (comme Dieu). Grâce aux marches du trône, le Roi se "retire" à un niveau supérieur et devient inaccessible (comme Dieu).

- Chez beaucoup de personnes, l'archétype de Dieu (et du Père) est symbolisé dans l'Autorité en uniformes (gendarmes, employés officiels, "retirés" derrière leur anonymat et "séparé" du vulgaire; dans le personne d'un Directeur

TIẾNG VIỆT

của một Mặt trời rực rỡ); con bò đực, sinh vật thụ tinh mạnh mẽ, sáng chói, được tôn kính mọi thời đại, được liên kết với Trời và Sấm sét, và được thần thánh hóa; một số người "cao quý", có "đạo đức cao" (được coi như là "mặt trời"), v.v.

Hãy nghĩ về các Vua chúa. Họ không có nhiều ý nghĩa trong đời sống thường nhật. Nhưng, một khi đã có vương miện và ngai vàng, mọi thứ thay đổi; một cảm xúc xuất hiện, các dân tộc bắt đầu di chuyển. Tại sao? Vì vương miện "mặt trời". Nó làm rõ Nguyên mẫu của Người Cha (và của Chúa). Từ đó, các bậc thang lên ngai vàng biểu thị một sự thay đổi cấp độ. Chúng giúp ta nâng cao lên phía trên. Như vậy, một người từ vật chất chuyển sang tinh thần, trở thành Vua, Cha của dân tộc mình, nhưng lại trở nên tách biệt khỏi họ (như Chúa). Nhờ các bậc thang của ngai vàng, Vua "rút lui" lên một tầng cao hơn và trở nên không thể tiếp cận (như Chúa).

- Với nhiều người, Nguyên mẫu của Chúa (và của Cha) được biểu trưng qua đồng phục (cảnh sát, nhân viên chính quyền, "rút lui" sau về vô danh và "tách biệt" khỏi thường nhân; trong nhân vật của một Giám đốc Điều hành xa cách và khó tiếp cận (và điều quan trọng là ông ta phải giữ vững điều

Général inaccessible et lointain (et à condition qu'il le reste...).

Tous ces gens possèdent le pouvoir de punir, pardonner, d'être bienveillant ou de rejeter... Mais gare au prestige du gendarme qui quitte son uniforme. Il cesse alors d'être "anonyme" et "séparé", et dégringole de son Olympe en moins de temps qu'il n'en faut pour le dire.

- Les directeurs de prison symbolisent évidemment le Père pour beaucoup de prisonniers.
- D'un archétype vers un autre... Un archétype peut "éclater" vers d'autres archétypes, comme une étoile se divisant en plusieurs parties.

đó...). Tất cả những người này đều có quyền phạt, tha thứ, bao dung hoặc ruồng bỏ... Nhưng hãy cẩn thận với uy tín của người cảnh sát khi anh ta cởi bỏ đồng phục. Anh ta khi đó không còn "vô danh" và "tách biệt", và sẽ rơi khỏi đỉnh Olympia trong chớp mắt.

- Các giám đốc nhà tù rõ ràng biểu tượng cho Cha đối với nhiều người tù nhân.
- Từ một Nguyên mẫu này sang Nguyên mẫu khác... Một Nguyên mẫu có thể "nổ tung" thành những Nguyên mẫu khác, giống một ngôi sao phân chia ra nhiều phần.

Trang 350

FRANÇAIS

Par exemple: l'Archétype de Dieu se heurte à l'archétype de la culpabilité. Si les hommes se sentent coupables, ils éprouvent le besoin d'être "pardonnés" et "sauvés". Et nous avons un nouvel Archétype: celui du Sauveur.

» Dans beaucoup de légendes, on voit un homme commettre une petite faute. Très légère, en vérité; Il fait une minuscule erreur, ou mange un fruit banal. Du coup, une épouvantable malédiction

TIẾNG VIỆT

Ví dụ: Nguyên mẫu của Chúa va chạm với Nguyên mẫu của tội lỗi. Nếu con người cảm thấy tội lỗi, họ sẽ cảm thấy cần được "tha thứ" và "cứu rỗi". Và chúng ta có một Nguyên mẫu mới: Nguyên mẫu của Vị Cứu Tinh.

» Trong nhiều truyền thuyết, chúng ta thấy một người phạm một lỗi nhỏ. Rất nhỏ luôn; anh ta chỉ phạm một sai lầm nhỏ, hoặc ăn một trái cây tầm thường. Thế là, một lời nguyền khủng khiếp áp xuống người anh ấy. Hãy nghĩ đến

s'abat sur lui. Songeons à Adam. Il désobéit comme un enfant devant son Père. Mais n'oublions pas que Adam était un enfant, étant donné l'âge mental très bas qu'il devait avoir. Adam commet une faute bénigne. Il viole la loi d'un Dieu tout-puissant (féroce comme un Chef de tribu, dont il est la projection). Du coup, voilà toute une partie de l'Humanité plongée, pour des siècles, dans la terreur du péché, de l'enfer, dans les malédictions les plus noires; les femmes doivent "enfanter dans la douleur", le paradis se retire, l'humanité est truffée de scrupuleux, des apeurés de l'enfer, d'angoissés, de pécheurs, de névrosés... Aujourd'hui, des peuples entiers ne mangent aucune viande tel jour de la semaine, non par discipline librement consentie, mais par angoisse d'une punition venant d'"en haut". Comme on le voit, il y a encore aujourd'hui des centaines de millions d'Adam. (L'enfant de l'Humanité devant le Surmoi parental, le surmoi du Père, de Dieu féroce, de Dieu le Vengeur!).

"Si le Zen a tant de séduction pour l'Occident postchrétien, c'est parce qu'il ne prêche, ne moralise, ni ne menace à la manière prophétisme hébraïque... L'Univers des Hébreux et des Chrétiens est dominé par la loi

Adam. Anh ta ăn một quả táo. Anh ta không nghe lời, như một đứa trẻ trước mặt cha mình. Nhưng đừng quên rằng Adam cũng chỉ là một đứa trẻ, xét về mức độ trí tuệ rất thấp của anh ta. Adam phạm một lỗi nhẹ. Anh ta vi phạm luật của một Thiên Chúa toàn năng (dữ dội như một Thủ lĩnh bộ lạc, đúng theo Nguyên Mẫu). Thế là, loài người bị đắm chìm, trong nhiều thế kỷ, trong nỗi sợ tội lỗi, địa ngục, trong những lời nguyện đen tối nhất; phụ nữ phải "sinh con trong đau đớn", thiên đàng rút lui, nhân loại chất chứa những người timi quá mức, những người sợ hãi địa ngục, lo âu, tội lỗi, người tâm thần phân liệt. . . Ngày nay, cả những dân tộc nguyên thủy không ăn thịt vào một ngày nào đó trong tuần, không phải do kỷ luật tự nguyện mà bằng cảm giác sợ hãi trước hình phạt đến từ "trên cao". Như chúng ta thấy, ngày nay vẫn còn hàng trăm triệu « Adam ». (Đứa con của nhân loại trước Siêu Ngã của cha mẹ, trước Siêu Ngã của Cha, của Thiên Chúa dữ tợn, của Thiên Chúa báo thù!).

"Nếu Thiên hấp dẫn phương Tây hậu Kitô giáo đến thế, đó là vì nó không thuyết giáo, không giáo điều, cũng không đe dọa theo cách tiên tri Do Thái. . . Vũ trụ của người Do Thái và Kitô hữu bị chi phối bởi luật đạo đức. Chính Đức Chúa Trời, Cao cả vô biên, là Điều Tốt đối lập với Điều Xấu. Và từ đó, bất đắc dĩ hoặc là sự vô luân,

morale. Dieu, l'Absolu lui-même, est le Bien par opposition au Mal, et dès lors l'immoralité ou Terreur font que l'homme se sent rejeté non seulement de

hoặc Sự hãi làm cho con người cảm thấy bị loại ra không chỉ khỏi

Trang 351

FRANÇAIS

la société humaine, mais de l'existence elle-même, des sources même de la vie. S'il se sent dans l'erreur, il en éprouve une angoisse métaphysique, un sentiment de culpabilité préfigurant la damnation éternelle et absolument disproportionné à sa faute. Cette culpabilité métaphysique est si insupportable qu'elle aboutit finalement de Dieu et de ses lois, c'est ce qui s'est produit précisément par le matérialisme moderne. Un "moralisme" absolu aboutit à la destruction de la moralité, car les sanctions qu'il promulgue contre le Péché sont beaucoup plus lourdes: on ne guérit pas une migraine en coupant la tête de celui qui en est affecté. L'attrait du Zen - comme d'autres formes de Philosophie orientale comme celle du Yi-King surtout - tient à ce qu'au-delà du royaume immédiat du Bien et du Mal il dévoile un immense domaine de l'Être où il n'est question ni de faute ni de

TIẾNG VIỆT

xã hội loài người, mà còn khỏi sự tồn tại chính nó, khỏi nguồn cội của cuộc sống. Nếu anh ta cảm thấy mình mắc lỗi, anh ta sẽ chịu đựng nỗi lo âu triết lý, một cảm giác tội lỗi tiền sử tiên đoán về sự đọa ngục vĩnh cửu và hoàn toàn không cân xứng với lỗi lầm của mình. Cảm giác tội lỗi triết lý này quá khó chịu đến nỗi, bắt nguồn từ Chúa và luật lệ của Ngài, lại sản sinh ra chủ nghĩa vật chất hiện đại. Chủ nghĩa "đạo đức tuyệt đối" dẫn đến sự phá hủy đạo đức, bởi vì những hình phạt mà nó ban hành đối với Tội lỗi thì nặng nề hơn nhiều: ta không thể chữa một cơn đau nửa đầu bằng cách chặt đầu người bị đau. Sức hấp dẫn của Thiền - như các hình thức Triết học phương Đông khác, nổi bật là Kinh Dịch - nằm ở chỗ nó tiết lộ một lĩnh vực rộng lớn của Sự Tồn Tại nơi không có chuyện lỗi lầm hay hình phạt, nơi mà, cuối cùng thì cái tôi không thể tách rời khỏi Thượng đế.

punition, où enfin le moi est
inséparable de Dieu.

Trang 354

FRANÇAIS

La mère et l'Inconscient sont intimement liés. Et ici, apparaît un Grand symbole: l'Eau. L'Eau est un symbole aussi important que le Soleil. L'eau reste toujours semblable à elle-même. Elle n'a pas de contours. Elle épouse les formes. Elle est souple et enveloppante, elle symbolise, avant tout, l'Inconscient. Dans un grand nombre de Genèses, le Monde (la Terre, la Vie consciente) est sorti de l'abîme des eaux (abîme de l'Inconscient). Dans le même sens, la vie consciente d'enfant est sortie des "eaux maternelles" (l'Inconscient également).

"On voit, donc à quel point l'Eau peut symboliser "la Mère", "la Femme" (quê Khâm là tượng người đàn bà), "l'Eternel féminin". Elle attire mystérieusement, elle accueille, enlace, serpente, envahit...

"Objectivement, L'eau claire et limpide est aussi dangereuse que l'eau noire et glauque. L'eau courante est aussi fatale que l'eau immobile.

L'eau peut-être glauque, menaçante et douce à la fois,

TIẾNG VIỆT

Người mẹ và Vô thức liên quan mật thiết. Và ở đây, xuất hiện một Biểu tượng Lớn: Nước. Nước là một biểu tượng quan trọng ngang bằng Mặt Trời. Nước luôn giữ được bản chất của mình. Nước không có hình dạng cố định. Nước uốn mình theo hình dạng vật đựng nó. Nước mềm mại và bao bọc, nó biểu tượng cho, trước hết, Vô thức. Trong nhiều câu chuyện Sáng Thế, Thế giới (Trái Đất, Cuộc sống có ý thức) đã xuất thân từ vực thẳm của nước (vực thẳm của Vô thức). Cũng vậy, cuộc sống có ý thức của đứa trẻ bắt đầu từ "nước mẹ" (Vô thức cũng vậy).

"Vì vậy ta thấy Nước có thể biểu tượng "Người Mẹ", "Người Phụ Nữ" (quê Khâm là hình tượng người đàn bà), "Nguyên mẫu nữ tính vĩnh cửu". Nó mời gọi bí ẩn, nó đón nhận, ôm ấp, quấn quýt, xâm nhập...

"Khách quan mà nói, nước trong và sáng cũng nguy hiểm như nước đen và đục. Dòng nước chảy cũng chết người như nước đọng.

Nước có thể đục, đe dọa và dụ dỗ cùng một lúc, nguy hiểm và quyến rũ cùng một lúc. Nước cùng lúc là "cái chết" "trùm lên

dangereuse et attirante en même temps. Elle est à la fois "la mort" qui "referme les bras sur les amants enlacés". Le thème est bien connu, de toute éternité.

hai người tình đang ôm nhau". Chủ đề này rất nổi tiếng, từ ngàn đời nay.

Trang 355

FRANÇAIS

En fait, nous sommes encore dans le symbolisme de la Mère, que retourner au sein maternel représente une nostalgie permanente. Cela signifie: échapper aux difficultés de la vie, "retourner à la maison", "retourner chez Maman", etc. Cela signifie "remuer dans le ventre maternel d'où on est sorti." et connaître, à nouveau, la chaleur, la douceur, et l'inconscience parfaites que l'on connaissait lorsque l'on était foetus.

L'Eau, ici, symbolise la mort et le retour à l'inconscience heureuse. Elle est une Mère attirante, fascinante, qui semble promettre une éternité de paix.

TIẾNG VIỆT

Thật ra, chúng ta vẫn đang ở trong biểu tượng của Người Mẹ, mà quay trở về lòng mẹ đại diện cho một nỗi nhớ không bao giờ phai. Điều đó có nghĩa là: tránh được những khó khăn của cuộc sống, "trở về nhà", "trở về với Mẹ", v.v. Điều đó có nghĩa là "quay trở lại bụng mẹ, nơi mình đã sinh ra đời." và một lần nữa, trải nghiệm sự ấm áp, ngọt ngào, và sự vô thức hoàn hảo mà mình đã biết đến khi còn là bào thai.

Nước, ở đây, tượng trưng cho cái chết và sự quay trở về với sự vô thức hạnh phúc. Nó là một người Mẹ hấp dẫn, quyến rũ, dường như hứa hẹn một ngàn thu vĩnh hằng của bình an.

Trang 356

FRANÇAIS

"Chez les animaux, cet Inconscient instinctogène "est une force de finalité biologique, plus ou moins automatique, avec ses activités de recherche de

TIẾNG VIỆT

"Ở động vật, cái Vô thức bản năng này "là một lực có mục đích sinh học, có lúc tự động có lúc không, với những hoạt động tìm kiếm niềm vui, tự vệ, v.v... (như ở trẻ sơ

plaisir, de défense, etc... (comme chez le nourrisson). Et sur ces instincts des animaux, se place un immense manteau: la loi de l'espèce.

"Et chez l'homme? Quand on dit: "l'homme est livré à ses instincts", on imagine un horrible monstre ne tenant compte ni des lois, ni de la culture, ni de rien du tout. Ce "monstre" recherche son plaisir, son bien-être, ses satisfactions immédiates donc cherche à éliminer tout déplaisir. Il est encore impossible de classer les instincts. On cite l'instinct de Reproduction, l'instinct de jeu de liberté, l'instinct moral, l'instinct sexuel, etc.

De toute façon, les instincts sont tellement bafoués, malmenés et méconnus, qu'ils ont tout de même un certain droit à être réhabilités.

Au lieu de Refoulement, il y a Sublimation, seul remède contre le Refoulement. Les Sages et les Saints sont ceux qui se doivent par amour, avoir des disciples... être le Père spirituel de l'Humanité,... (sublimation de Reproduction voire sexuel... Eau des Lines, des œuvres d'Art... puisées d'une immense bibliothèque - Enfin... on aura tout par l'Amour de l'Humanité...) - le Sur-moi s'effacera sûrement,...

sinh). Và trên những bản năng động vật, được choàng lên một cái áo to đùng: luật của giống loài."

« Còn ở con người thì sao? Khi người ta nói: "con người bị cuốn theo bản năng của mình", họ hình dung về một quái vật kinh khủng không chú ý đến luật pháp, văn hóa, hay bất cứ điều gì cả. Quái vật này tìm kiếm niềm vui của mình, sự thoải mái của mình, sự thỏa mãn tức thì của mình và vì thế muốn loại bỏ mọi điều không hài lòng. Ta vẫn không thể dễ phân loại các bản năng. Người ta đề cập đến bản năng Sinh sản, bản năng chơi, của tự do, bản năng đạo đức, bản năng tình dục, v.v.

Dù là thế nào đi nữa, các bản năng bị xem thường, đối xử tàn nhẫn và không được hiểu biết, chúng vẫn có phần nào quyền được phục hồi.

Thay vì Chế ngự, thì có sự Thanh cao hóa (sublimation), là liều thuốc duy nhất chống lại sự chế ngự. Những bậc Hiền triết và Thánh nhân là những người nhận môn đồ, vì tình thương vô bờ. . . trở thành Nhà tâm linh của Nhân loại, . . .

(Lời của người dịch : phần này bản tiếng Pháp chép sai chính tả lung tung nên mặc dù đã cố sửa nhưng vẫn không thoát nghĩa, cố gắng dịch thử xem : sự thanh cao hóa (sublimation) của bản năng sinh

sản hay tình dục. . . Nước của những bài thơ, của những tác phẩm Nghệ thuật. . . rút ra từ một thư viện khổng lồ - Cuối cùng. . . ta sẽ có được tất cả qua Tình thương Nhân loại. . .) - cái siêu ngã chắc chắn sẽ mờ nhạt đi,

Trang 358

FRANÇAIS

"Ne méprise pas la Force et ne la haït point à cause de la laideur de certaines de ses faces, et ne pense pas non plus que seul l'Amour est Dieu. Toute Perfection parfaite doit avoir en elle quelque chose du héros et même du titan. Mais la plus grande force naît de la plus grande difficulté".

TIẾNG VIỆT

"Đừng khinh thường Sức mạnh và đừng ghét bỏ nó chỉ vì một số khía cạnh xấu xí của nó, và cũng đừng nghĩ rằng chỉ có Tình yêu là Thượng đế. Mọi Sự hoàn hảo tuyệt đối đều phải có trong mình chút gì đó của người hùng và thậm chí của người khổng lồ. Nhưng sức mạnh vĩ đại nhất sinh ra từ khó khăn lớn nhất".

Trang 359

FRANÇAIS

Loi de l'ambivalence - lie l'Amour et la Haine, autres instincts de Vie et de Mort - plutôt qu'une séparation radicale de ces 2 tendances.

Créer pour détruire, détruire pour créer.

TIẾNG VIỆT

Luật của sự đối lập - gắn kết Tình yêu và Hận thù, các bản năng khác của Sự sống và Cái chết - thay vì sự phân chia triệt để của hai xu hướng này.

Sáng tạo để phá hủy, phá hủy để sáng tạo.

Trang 360

FRANÇAIS

TIẾNG VIỆT

"Si paradoxal qu'il paraisse, il ressort tout de même de ces observations que les instincts agressifs doivent être rangés parmi les instincts sociaux et non parmi les instincts du moi. Pour se battre il faut être deux au moins. On peut se regrouper, non pas pour s'aimer, mais pour se haïr, non pas pour Vivre ensemble, mais pour se détruire."

"Dù có vẻ nghịch lý, từ những quan sát này, ta thấy rằng các bản năng hung hãn phải được xếp vào nhóm bản năng xã hội chứ không phải là bản năng cá nhân. Để chiến đấu cần phải có ít nhất hai người. Người ta có thể tụ tập, không phải để yêu thương nhau, mà để ghét bỏ nhau, không phải để Sống chung, mà để phá hủy lẫn nhau."

Trang 360

FRANÇAIS

"instincts de Mort" (Haine et Agression).

TIẾNG VIỆT

"bản năng Cái chết" (Hận thù và tấn công).

Trang 360

FRANÇAIS

L'acte de déchirer donne à l'enfant une satisfaction si positive que des nourrices amusent le bébé en faisant semblant de mordre sa menotte pour finir par l'embrasser retrouvant ainsi la vieille alliance entre la morsure et le baiser.

TIẾNG VIỆT

Hành động xé xác mang lại cho trẻ sự thỏa mãn tích cực thế nên người giữ trẻ làm trò vui vẻ với bé bằng cách giả vờ cắn ngón tay của bé và sau cùng là hôn nó, như vậy sự kết hợp xưa cũ giữa cắn và hôn được tái hiện lại.

Trang 361

FRANÇAIS

..."l'instinct agressif (pulsions combatives) est un instinct primitif dont le corollaire fréquent est la tendance à détruire les

TIẾNG VIỆT

"bản năng hung hãn (những động lực chiến đấu) là một bản năng nguyên thủy có hệ quả thường xuyên là xu hướng phá hủy những

individus de sa propre espèce, parfois seulement de son propre sexe."

cá thể cùng loài, đôi khi chỉ là những cá thể cùng giới tính."

Trang 361

FRANÇAIS

"Ainsi éternels et immuables les instincts agressifs et destructeurs traversent les millénaires."

TIẾNG VIỆT

"Bản năng hung hãn và phá hủy, mãi mãi và không thay đổi, vượt qua thiên niên kỷ."

Trang 362

FRANÇAIS

Ce n'est pas l'homme sans passion ni désir qui ne pourra jamais accomplir une création importante, ni l'homme qui se laisse maîtriser par ses passions et par ses dénis, mais c'est celui qui, doté d'une forte passion (ou d'une forte nature passionnelle) et capable de tirer la quintessence de métaux supérieurs libère l'énergie créatrice de ce qui la retient en bas, puis la conduit vers les régions supérieures où elle devient la puissante créatrice de l'esprit.

Une nature puissante peut être très perverse, au moins offre-t-elle la possibilité de devenir très bon. Au contraire, une nature sans énergie est trop débile et trop insignifiante pour être soit mauvaise, soit bonne. Ce n'est pas sans raison que les âmes

TIẾNG VIỆT

Người không có đam mê hay khao khát, lẫn người bản thân bị đam mê và phủ nhận chi phối sẽ không phát kiến được cái gì to lớn đâu. Mà là người có một đam mê mạnh mẽ (hoặc có bản chất đam mê mạnh mẽ), mới có khả năng chiết xuất tinh hoa từ những kim loại cao cấp, giải phóng năng lượng sáng tạo khỏi những thứ kìm hãm nó, sau đó hướng nó về những vùng cao hơn nơi nó trở thành lực lượng sáng tạo mạnh mẽ của tinh thần.

Một bản chất mạnh mẽ có thể trở nên rất xấu xa, nhưng ít nhất nó cũng có khả năng trở nên vô cùng tốt. Ngược lại, một bản chất không có năng lượng, quá yếu đuối và quá tầm thường để có thể là xấu hay tốt. Không phải không có lý do mà những linh hồn hờ hững bị lên án trong sách Khải Huyền ; và Dante, không những đã không cho

tièdes sont condamnées dans l'Apocalypse et que Dante, non content de leur fermer le Paradis et le Purgatoire, ne les admet point même dans l'Enfer! (p. 51, Le Feu Créateur, de J. J. Van der Leeuw, 1928, Lib. Soyau).

họ bước chân vào Thiên Đàng hay Luyện Ngục, mà thậm chí cũng không chịu nhận họ ở Địa Ngục! (trang. 51, Le Feu Créateur, de J. J. Van der Leeuw, 1928, Lib. Soyau).

Trang 362

FRANÇAIS

Krishnamurti: "Le Désir, c'est la Vie, ne la tuez pas!"

TIẾNG VIỆT

Krishnamurti : « Đam mê là sự sống, đừng có giết nó »

Trang 363

FRANÇAIS

' Les femmes les plus belles et les plus séduisantes sont les plus fausses'.

TIẾNG VIỆT

'Những phụ nữ đẹp nhất và quyến rũ nhất là những người dối trá nhất'.

Trang 365

FRANÇAIS

"Le Surmoi est donc une sorte d'idéal social : "chaque individu fait partie de plusieurs foules, présente les identifications les plus variées et a construit son idéal du moi d'après les modèles les plus divers. Chaque individu participe ainsi de plusieurs âmes collectives, de celle de sa race, de sa classe, de sa communauté professionnelle, de son État, etc. ... Le Surmoi primitif de l'espèce, chez l'animal le sur-moi de

TIẾNG VIỆT

"Vậy nên Siêu Ngã chính là một loại lý tưởng xã hội: "mỗi cá nhân thuộc về nhiều đám đông khác nhau, thể hiện những cách nhận dạng đa dạng nhất và đã xây dựng lý tưởng về cái tôi của mình dựa trên những mô hình đa dạng nhất. Mỗi cá nhân do đó chia sẻ nhiều tâm hồn tập thể khác nhau, từ tâm hồn của chủng tộc mình, tầng lớp mình, cộng đồng nghề nghiệp mình, quốc gia mình, v.v...

L'espèce domine le sur-moi de l'éducation... Ce n'est pas la seule personnalité des parents qui agit sur l'enfant, mais transmise par eux, l'influence des traditions familiales, raciales et nationales, ainsi que les exigences du milieu social immédiat qu'ils représentent.

Même l'obéissance aveugle à la mode, même le fait banal de porter la toilette imposée par le grand couturier, sont des mécanismes de défense contre le sentiment d'insécurité. Il paraît certain que l'homme supporte mal la liberté. Car, la responsabilité du choix est trop lourde pour l'Enfant, même pour l'homme faible de caractère. L'angoisse devant la liberté mène les hommes soit à se placer sous les ordres d'un dictateur... Un univers totalement libre laisse le plus de portes ouvertes aux périls inconnus, demande le plus de risques oblige

Siêu ngã nguyên thủy của loài vật, ở loài vật, siêu ngã của loài chi phối cái siêu ngã của giáo dục... Không chỉ có cá tính của bố mẹ tác động lên đứa trẻ, mà thông qua họ, ảnh hưởng của truyền thống gia đình, chủng tộc và quốc gia, cũng như yêu cầu của môi trường xã hội trực tiếp mà họ đại diện.

Ngay cả sự tuân theo mù quáng theo mốt, thậm chí việc đơn giản là mặc quần áo do nhà thiết kế thời trang lớn áp đặt, cũng là những cơ chế phòng vệ chống lại cảm giác không an toàn. Rõ ràng là con người không chịu đựng nổi tự do. Bởi vì, trách nhiệm của lựa chọn quá nặng nề với Trẻ em, thậm chí đối với những người có tính cách yếu ớt. Nỗi lo sợ trước tự do dẫn đến việc con người hoặc là tự đặt mình dưới quyền lệnh của một nhà độc tài... Một vũ trụ hoàn toàn tự do mở ra nhiều cánh cửa cho những nguy hiểm không chừng, đòi hỏi phải chấp nhận nhiều rủi ro, bắt

Trang 366

FRANÇAIS

à vivre dangereusement. Seuls, ceux qui sont capables de vivre dangereusement sont mûrs pour une parfaite démocratie. (L'homme a achevé sa croissance lorsqu'il est réconcilié avec

TIẾNG VIỆT

phải sống một cách nguy hiểm. Chỉ những ai có khả năng sống mạo hiểm mới đủ trưởng thành cho một nền dân chủ hoàn hảo. (Con người đã hoàn thiện sự phát triển của mình khi họ hòa giải với sự bất an và rủi ro. Nhưng bao

l'insécurité et le risque. Mais combien en sont capables?

Cela jette un éclairage nouveau sur des époques de transition comme la nôtre où l'insécurité règne en maîtresse et réactive l'angoisse infantile.

Plutôt que de s'exposer à tant de dangers qui surgissent de tous côtés, ne vaut-il pas mieux les réunir en un seul, en accepter un seul, qui serait l'intermédiaire? Un seul danger connu est moins dangereux que cent dangers inconnus. L'enfant a tôt fait de percevoir ce principe d'économie de l'angoisse. Il consent à se soumettre aveuglément à une Personne: Mère ou substitut de mère, à condition qu'elle le protège contre toutes les autres morsures de l'Univers. Ce pacte inconscient est à la base de toute démission de la liberté au profit d'une autorité: Mère, Maître, Dictateur.

... Maintenant il porte en lui-même ce Tyran terrible et bienfaisant, comme une amulette contre les périls. Le Sur-moi lui-même devient en quelque sorte un mécanisme de défense contre le sentiment d'insécurité.

nhiều người có thể làm được điều đó?

Điều này làm sáng tỏ hơn những thời kỳ chuyển tiếp như chúng ta đang trải qua, nơi mà sự bất an thống trị và tái kích hoạt nỗi lo âu trẻ thơ.

Thay vì phải đối mặt với biết bao rủi ro xuất hiện từ mọi phía, có phải thật sự tốt hơn nếu như chúng ta chỉ phải đối mặt với một, chấp nhận chỉ một rủi ro, có thể được coi là trung gian? Một nguy hiểm đã biết đến còn ít nguy hiểm hơn là trăm nguy hiểm chưa biết. Trẻ em sớm nhận thức được nguyên tắc tiết kiệm nỗi lo âu này. Chúng đồng ý quy phục mù quáng vào một người: Mẹ hoặc người thay thế mẹ, miễn là người đó bảo vệ chúng khỏi những cắn xé khác của vũ trụ. Bản hiệp ước vô thức này là nền tảng cho mọi sự từ bỏ tự do để ủng hộ một quyền lực: Mẹ, Thầy, Độc tài...

...Giờ đây, người ta mang trong chính mình vị Bạo chúa khủng khiếp mà an lành này, như một bùa chú chống lại những hiểm nguy. Cái Siêu Ngã lại chính nó trở thành loại cơ chế phòng vệ chống lại cảm giác không an toàn.

Cette Autorité-intérieure qu'est le Sur-moi, commence au premier âge de l'homme par l'Archétype du Père (symbolisé par les Kiên Khôn (les Parents)).

Le Sur-moi naît de l'identification au Père considéré comme modèle d'autorité... Et de là vient Dieu.

Il vit aux dépens de sa mère pour commencer. On croit que le cordon ombilical est rompu à la naissance ? Physiquement oui. Mais mentalement, loin de là !

1. Pendant l'Enfance et

l'Adolescence, on a peur de la Mère (la première éducatrice), plus tard pendant l'âge adulte, on a peur (ou haine) des femmes, de la vie et de la mort, de l'inconscient, de ce qui est passif (l'eau par exemple) = Peur de l'Autorité en général.

2. • Enfance et Adolescence

Peur du châtement de la Mère, allant de la simple bouderie qui donne l'impression d'être abandonné, aux coups, aux humiliations, à la castration mentale, etc,...

Besoin de Pardon de la Mère (pour avoir la sensation de n'être plus abandonné).

Agressivité.

- Peur permanente d'être abandonné.

- Se montre un trop bon enfant (donc refoule toute agressivité)

Quyền lực nội tâm này, cái Siêu Ngã, bắt đầu từ giai đoạn đầu của con người với Nguyên Mẫu người Cha (tượng trưng bởi Kiên Khôn (cha mẹ)).

Siêu Ngã sinh ra từ việc đồng nhất với Nguyên Mẫu người Cha được coi như là mô hình của quyền lực... Và từ đó có Chúa.

Lúc đầu người ta sống nhờ vào mẹ. Tưởng là dây rốn được cắt đứt khi chào đời cơ mà? Về mặt thể xác thì có. Nhưng về mặt tinh thần, thì hoàn toàn trái ngược!

1. Trong thời thơ ấu và tuổi vị thành niên, ta sợ Mẹ (người giáo dục đầu tiên), sau này trong thời kỳ tuổi trưởng thành, ta sợ (hoặc thù ghét) phụ nữ, cuộc sống và cái chết, tiềm thức, những điều thụ động (ví dụ như nước) = Sợ hãi Quyền lực nói chung.

2. • Thời thơ ấu và tuổi vị thành niên

Sợ bị trừng phạt bởi Mẹ, từ việc giận dữ đơn giản khiến ta cảm thấy bị bỏ rơi, tới những cú đánh, những sự nhục mạ, tổn thương tinh thần, vân vân...

Cần sự tha thứ của Mẹ (để có cảm giác không còn bị bỏ rơi) .

Sự hung hãn.

- Nỗi sợ hãi thường trực, sợ bị bỏ rơi.

- Tỏ ra là một đứa trẻ ngoan quá mức (vì thế kìm nén mọi sự hung hãn) do sợ cảm giác tội lỗi.

par peur de se sentir coupable.

Peur d'être personnel.

Sợ hãi cá nhân hóa.

Trang 368

FRANÇAIS

- Adulte

Scrupules, culpabilité, peur d'autrui, obsessions, mais, sensation d'avoir des comptes à rendre, justification de la moindre action, etc.

Soumissions, agressivité, dépersonnalisation, masochisme, sadisme.

- Peur d'être rejeté, peur de déplaire, peur d'être critiqué, etc.

Être trop gentil, trop courtois, jamais contrariant, jamais agressif; peur de la compétition, etc.

- Peur d'être libre.

TIẾNG VIỆT

- Người trưởng thành

Lương tâm, cảm giác tội lỗi, sợ hãi người khác, ám ảnh, nhưng cảm giác phải chịu trách nhiệm, biện minh cho mọi hành động nhỏ nhất, vân vân.

Phục tùng, hung hãn, mất cá nhân, khổ dâm, bạo dâm.

- Sợ bị từ chối, sợ làm không vừa lòng, sợ bị chỉ trích, vân vân.

Là người quá tử tế, quá lịch sự, không bao giờ gây khó dễ, không bao giờ hung hãn; sợ hãi cạnh tranh, vân vân.

- Sợ được tự do.

Trang 393

FRANÇAIS

(dans la Nature, tout se fait circulairement. Les planètes tournent sur leur axe; des satellites tournent autour des planètes).

TIẾNG VIỆT

(trong thiên nhiên, mọi thứ diễn ra theo vòng tròn. Các hành tinh xoay quanh trục của chúng; các vệ tinh quay quanh các hành tinh).

Trang 399

FRANÇAIS

TIẾNG VIỆT

"Le Centre de la Croix est le Point où se concilient et se résolvent toutes les oppositions - en ce point s'établit la Synthèse de tous les termes contraires... Ce Point-central correspond à ce que l'Ésotérisme islamique désigne comme la "station divine", qui est celle qui réunit les Contrastes et les Autonomies"; c'est ce que la tradition extrême orientale, de son côté, appelle 'l'invariable Milieu' lieu d'Équilibre parfait, représenté comme le Centre de la "Roue Cosmique".

"Trung tâm của Thánh Giá là Điểm hòa giải và giải quyết mọi đối lập - tại điểm này, một Tổng hợp của tất cả các thuật ngữ trái ngược được thiết lập... Điểm trung tâm này tương ứng với điều mà Hồi giáo huyền học gọi là 'trạm thần thánh', đó là nơi hội tụ những Đối lập và Tự chủ"; đó chính là điều mà truyền thống Phương Đông gọi là 'Trung điểm bất biến' (Trung Cung), nơi thật sự cân bằng, được miêu tả như là Trung tâm của 'Bánh Xe Vũ trụ'".

Trang 400

FRANÇAIS

et qui est aussi, en même temps le Point où se reflète directement l'Activité du Ciel". Ce centre dirige toutes choses par son "activité non-agissante" qui, bien que non-manifestée est en réalité la plénitude de l'Activité, puisque c'est celle du Principe (ĐẠO) dont sont dérivées toutes les activités particulière; c'est ce que Lao-Tseu exprime en ces termes: "le Principe est toujours non-agissante, et cependant tout est fait par lui.

TIẾNG VIỆT

và đó cũng chính là, Điểm phản chiếu trực tiếp Hoạt Động của Trời". Trung tâm này điều khiển mọi thứ thông qua "sự động mà không động" của mình, mà, mặc dù không được biểu hiện, nhưng đó lại thực sự là sự Động trọn vẹn, vì đó là của Nguyên Lý (ĐẠO) mà từ đó mọi hoạt động riêng lẻ được phát xuất; Đó là điều Lão Tử biểu hiện qua những lời này : « Đạo thường Vô Vi nhi vô bất vi » (Vô vi nhưng không có gì là không làm).

Trang 400

FRANÇAIS

TIẾNG VIỆT

(un mouvement de Rotation qui s'accomplit autour d'entre Centre ou d'un Axe Immuable).

(một chuyển động Xoay quanh một Trung tâm hoặc một Trục Bất Biến).

Trang 400

FRANÇAIS

Roi du monde.

TIẾNG VIỆT

Chúa tể của thế giới

Trang 404

FRANÇAIS

La nature nous apprendra-t-elle un jour à nous libérer de la lourde dépendance de la nourriture? Nous cesserons alors d'être des estomacs avides et des ventres insatiables, quand nous découvrons le magnifique secret des insectes nous permettant de tirer notre vie du fluide de vie universel, invisible, inépuisable.

TIẾNG VIỆT

Liệu rồi đây Tự Nhiên có dạy chúng ta cách giải thoát khỏi sự phụ thuộc nặng nề vào thức ăn không? Chúng ta sẽ không còn là những dạ dày thèm khát và những cái bụng không bao giờ no nê, khi chúng ta khám phá ra bí mật tuyệt vời của các loài côn trùng cho phép chúng ta rút ra sự sống từ dịch sống vũ trụ vô hình, không bao giờ cạn kiệt.

Trang 413

FRANÇAIS

La Nature nous apprendra-t-elle un jour à nous libérer de la lourde sujétion de la Nourriture?"

TIẾNG VIỆT

Liệu rồi đây Tự nhiên có dạy chúng ta cách giải thoát khỏi sự phụ thuộc nặng nề vào Thức ăn không?

Trang 413

FRANÇAIS

(Parce que il a sa volonté comme il a sa conscience, qu'il est libre;

TIẾNG VIỆT

(Vì anh ta có ý chí như anh ta có ý thức, và anh ta tự do; nhưng anh

mais il doit se souvenir que tout concourt à les anéantir, les forces élémentaires qui l'entourent et les instincts qu'il porte en lui. Comme les mammifères, il est soumis à ses instincts organiques au sens étroit du terme ; il est envahi de réflexes...; il est bardé de mécanismes automatiques et tutélares).

ta phải nhớ rằng mọi thứ đều góp phần tiêu diệt chúng, những lực lượng sơ đẳng xung quanh anh ta và những bản năng anh ta mang trong mình. Giống như các loài thú, anh ta phải tuân theo những bản năng sinh học theo nghĩa hẹp; anh ta bị lấn át bởi phản xạ...; anh ta bị chặn đứng bởi những cơ chế tự động và bảo vệ).

Trang 414

FRANÇAIS

Il s'agirait d'un dressage adroit auquel, plus encore que les animaux, à prendre des initiatives et à suivre des habitudes dont nous elles sont inconscientes. Peu à peu, ces animaux s'enrichissent de réflexes nouveaux. Il s'agissait d'un dressage constant, qu'on dénomme Éducation.

TIẾNG VIỆT

(người dịch chú thích : Câu này hơi tối nghĩa, chắc thiếu vài từ)
Đây là việc huấn luyện tài tình mà, hơn cả động vật, phải biết chủ động và theo đuổi những thói quen mà chúng không hề biết đến. Dần dần, những con vật này được bổ sung những phản xạ mới. Đó là việc huấn luyện liên tục, người ta gọi đó là Giáo dục.

Trang 414

FRANÇAIS

(Une contrainte sans pitié écrase en l'enfant et l'âge de son individualité, ses tendances profondes, il est nivelé...)

TIẾNG VIỆT

(Sự ràng buộc không thương xót đè nén đứa trẻ và cái tôi của nó, và những xu hướng sâu sắc của nó, nó bẹp rúm (ý là không còn chiều sâu nào)

Trang 415

FRANÇAIS

TIẾNG VIỆT

"Un feu prodigieux parti du firmament et répandu dans les airs, descend sur la terre, où, dans la minute, il a tout consumé, tout détruit, tout purifié, sans qu'il en reste un seul vestige de souillure. Ainsi se fera par le Feu cette purification substantielle, cette admirable rénovation des éléments et de la nature entière, dont il résultera une nouvelle terre et de nouveaux cieux..."

"Một ngọn lửa phi thường xuất phát từ cung trời, lan tỏa ra không gian, đổ xuống trái đất, nơi chỉ trong chốc lát, nó đã thiêu đốt hết mọi thứ, huỷ diệt hết mọi thứ, làm sạch hết mọi vết nhơ, không để lại một dấu vết bẩn nào. Như vậy, sự thanh lọc đáng kể này, sự cải tạo diệu kỳ của các nguyên tố và của toàn bộ thiên nhiên, sẽ dẫn đến một trái đất mới và những bầu trời mới..."

Trang 416

FRANÇAIS

Il est à rappeler ici, à titre documentaire le sens attribué à l'inscription INRI de la Croix de Jésus: Jésus Nazareus Rex indaeorum (Jésus le Nazaréum roi des Juifs); - par certains ésotériques: Igné Natura Renovatur Intégra (la Nature sera renouvée par le Feu).

TIẾNG VIỆT

Tại đây, cần nhắc lại, như tài liệu tham khảo, ý nghĩa được gán cho chữ viết INRI trên Thập tự giá của Chúa Jesus: Iesus Nazarenus Rex Iudaeorum (Jesus người Nazareth, vua của người Do Thái); - đối với một số người môn huyền học lại là: Ignis Natura Renovatur Integra (Thiên nhiên sẽ được làm mới bởi Lửa).

Trang 418

FRANÇAIS

(Depuis plusieurs années, Il neige de façon inquiétante au Pôle Sud, La masse de neige est tellement anormale que, tout récemment, une Commission de savants réputés s'est rendue sur les lieux - Le Professeur Huges Brown de l'Université de Colombie,

TIẾNG VIỆT

(Trong nhiều năm nay, tuyết rơi một cách lo ngại ở Cực Nam, lượng tuyết dày lên một cách bất thường đến nỗi gần đây, một Ủy ban các nhà khoa học uy tín đã đến đó - Giáo sư Huges Brown từ Đại học Columbia, chuyên gia hàng đầu về vấn đề hải dương

spécialiste réputé des questions maritimes, évalue actuellement à 3.200 mètres d'épaisseur la croûte de glace résultant de l'accumulation incessante des neiges. L'étendue de cette calotte glaciaire serait assez menaçante. Elle recouvrirait actuellement en effet une superficie de 8,500.000 kilomètres carrés. Elle augmente chaque jour" (p.40).

học, hiện đang đánh giá độ dày của lớp băng do sự tích tụ không ngừng của tuyết là 3.200 mét. Diện tích của tầng băng này đang trở nên đáng lo ngại. Hiện tại thực tế nó phủ đầy một diện tích là 8.500.000 kilômét vuông. Nó cứ mỗi ngày một tăng" (trang 40).

Trang 422

FRANÇAIS

"Aucune des doctrines de représentation de l'Univers ne faisait entrer en jeu le Principe de Contradiction, de Lutte entre 2 forces contraires, dont pourtant l'âme des hommes est nourrie depuis des millénaires. Le mérite impérissable d'Horbigier est d'avoir ressuscité puissamment la connaissance intuitive de nos ancêtres par le Conflit éternel du Feu et de la Glace.., Il a exposé ce conflit aux regards de ses contemporains. Il a fondé scientifiquement cette image grandiose du monde liée au Dualisme de la Matière et de la Force, de la Répulsion qui disperse et de l'Attraction qui rassemble".

"C'est donc certain: La Lune finira par tomber sur la Terre... Peu à peu, dans le cours des âges, la Lune se rapprochera. La force de

TIẾNG VIỆT

"Không một học thuyết miêu tả Vũ trụ từ xưa đến nay đề cập đến nguyên lý Mâu thuẫn, Cuộc chiến giữa 2 lực lượng đối nghịch, mặc dù linh hồn của loài người đã được nuôi dưỡng bởi điều này từ hàng ngàn năm nay. Niềm tự hào bất tử của Horbiger là việc ông đã hồi sinh một cách mạnh mẽ kiến thức trực giác của tổ tiên chúng ta thông qua Cuộc xung đột vĩnh cửu giữa Lửa và Băng..., Ông đã trình bày cuộc xung đột này trước mắt những người đương thời ông. Ông đã xây dựng bằng cách khoa học hình ảnh hùng vĩ của thế giới này qua sự đối lập của Vật chất với Sức Mạnh, của sức Đẩy làm tàn nát với sức Hấp dẫn làm hội tụ".

« Chắc chắn rồi: Mặt Trăng cuối cùng sẽ rơi xuống Trái Đất... Dần dần, qua hàng triệu năm, Mặt Trăng sẽ lại gần hơn. Lực hấp dẫn

gravitation qu'elle exerce sur la Terre ira en augmentant. Alors, les eaux de nos Océans se rassembleront en une Marée montante, et elles monteront, couvrant les terres, noyant les Tropiques et cernant les plus hautes montagnes.

(...) Les Océans tourbillonnent en bouillonnant à la surface de La Terre, lavant tout, et la croûte terrestre éclatera. Notre Globe, mort, continuant à spiraler, sera rattrapé par des planètes des Glaces qui nagent dans le Ciel, et il deviendra une énorme boule de glace qui s'en ira se jeter à son tour dans le Soleil.

Après la collision, ce sera le Grand Silence, la Grande Immobilité, tandis que la Vapeur d'eau s'accumulera, durant des millions d'années à l'intérieur de la masse flamboyante.

"Enfin, il y aura une nouvelle explosion pour d'autres créations dans l'Éternité des forces ardentes du Cosmos.

"Tel est le Destin de notre système solaire dans la vision de H. Horbiger, "le Copernic du XVe siècle".

mà nó tạo ra đối với Trái Đất sẽ ngày một tăng lên. Lúc đó, nước của các đại dương của chúng ta sẽ tập trung vào một thủy triều đang lên, và chúng sẽ dâng cao, che phủ lục địa, nhấn chìm khu vực nhiệt đới và bao quanh những ngọn núi cao nhất.

(...) Các đại dương cuồng nộ, sôi sục trên bề mặt Trái Đất, cuốn trôi mọi thứ, và lớp vỏ trái đất sẽ nứt vỡ. Quả cầu của chúng ta, đã chết, vẫn tiếp tục xoay tròn, sẽ bị các hành tinh băng giá trôi nổi trong bầu trời bắt kịp, và nó sẽ trở thành một quả cầu băng khổng lồ bay thẳng vào Mặt Trời.

Sau va chạm, sẽ là Sự Im Lặng Lớn, Sự Bất Động Lớn, trong khi Hơi nước sẽ tích tụ trong hàng triệu năm ở trong khối cháy rực.

"Cuối cùng, sẽ có một vụ nổ mới cho các sáng tạo khác, trong sự Bất Tận của các lực mạnh mẽ vũ trụ.

" Đó là Số Phận của hệ Mặt Trời của chúng ta theo tầm nhìn của H. Horbiger, "Copernic của thế kỷ 15".

Trang 423

FRANÇAIS

Ce n'est pas la Terre qui gravite autour du Soleil, c'est le système

TIẾNG VIỆT

Không phải là Trái Đất quay quanh Mặt Trời, đó là hệ thống phức tạp

complexe Lune Terre.

Mặt Trăng - Trái Đất

Trang 424

FRANÇAIS

"La Lune et la Terre forment donc un Tour, sur le plan géonien. La Terre est le corps physique; La Lune est son double-éthérique.

TIẾNG VIỆT

"Vậy Mặt Trăng và Trái Đất tạo thành một Cặp, trên bình diện địa từ (géonien). Trái Đất là cơ thể vật lý; Mặt Trăng là tính linh thể của Trái Đất.

Trang 430

FRANÇAIS

Instinct de la Mort.

Instinct de la vie.

Instincts agressifs.

TIẾNG VIỆT

Bản năng cái chết.

Bản năng sống.

Bản năng xâm lược.

Trang 437

FRANÇAIS

c'est vivre dangereusement. Amour et Mort sont liés dans l'Inconscient, Au niveau de l'Animal, l'Amour est plus fort que la Mort. Faim, danger, rien ne compte à l'heure de l'appel sexuel. Il semble que tous les besoins organiques primordiaux aient subi un arrêt au profit de l'éternité de l'espèce. Essayez donc de tirer sur des lions accouplés dans une ménagerie: ils n'entendront même pas votre coup de revolver" (p.156).

TIẾNG VIỆT

đó là sống một cách nguy hiểm. Tình yêu và Cái Chết liên kết trong Tiềm thức, Ở cấp độ Động vật, Tình yêu mạnh mẽ hơn Cái Chết. Cái đói, nguy hiểm, không có gì đáng kể khi đến giờ của tiếng gọi tình dục. Có vẻ như tất cả nhu cầu cơ bản cơ thể đã bị ngừng lại để nhường chỗ cho sự vĩnh cửu của giống loài. Hãy thử bắn vào những con sư tử đang giao phối trong một vườn thú: chúng thậm chí sẽ không nghe thấy tiếng súng của bạn. (trang 156)

FRANÇAIS

"Les couples mystiques".

TIẾNG VIỆT

"Những cặp đôi thần bí "

FRANÇAIS

(J'ai connu des écoliers qui, dans leur passion pour tel ou tel auteur, étaient arrivés à mieux et plus nettement comprendre sa pensée, malgré des lectures assez incomplètes, que des érudits spécialisés dans l'œuvre du même auteur, malgré leur connaissance complète de ses écrits, malgré maints volumes de commentaires, le sens intime leur échappait, parce qu'ils n'éprouvaient pas un amour suffisant pour l'auteur ou pour le sujet.

Vérité profonde: à moins d'avoir aimé un livre avec une ardeur quasi-personnelle, à moins d'avoir eu son auteur pour ami et pour camarade, pendant que nous lisions ses ouvrages, à moins d'avoir vécu et dormi avec le livre, et de l'avoir chéri comme notre plus précieuse possession terrestre, nous n'arrivons pas à cette union intérieure qui nous rattache à la vie et à la pensée de l'auteur lui-même.

À elle seule, l'étude impartiale et critique d'un sujet ou d'un auteur

TIẾNG VIỆT

(Tôi đã từng biết những học sinh mà, vì đam mê với một tác giả cụ thể nào đó, đã đạt được sự hiểu biết sâu sắc và rõ ràng hơn về tư tưởng của ông ấy - mặc dù việc đọc sách khá là không đầy đủ - hơn là những học giả chuyên nghiệp về tác phẩm của cùng một tác giả, mặc dù họ biết toàn bộ những bài viết của ông ấy, mặc dù đã viết nhiều tập sách bình luận, ý nghĩa nội tâm vẫn không chạm được đến họ, bởi vì họ không cảm nhận được tình yêu đủ lớn dành cho tác giả hoặc cho đề tài.

Một sự thật sâu sắc là: trừ khi đã yêu một quyển sách với sự nhiệt tình gần như cá nhân, trừ khi đã coi tác giả như một người bạn và đồng chí khi đọc tác phẩm của ông, trừ khi đã sống và ngủ cùng với quyển sách, và yêu quý nó như tài sản trần gian quý giá nhất của chúng ta, chúng ta không thể đạt được sự hợp nhất nội tâm mà gắn kết chúng ta với cuộc sống và tư duy của chính tác giả.

Việc chỉ nghiên cứu công bằng và phê bình về một chủ đề hay một tác giả bất kỳ sẽ chỉ mang lại cho chúng ta một hiểu biết sách vở,

quelconque ne nous donnerait jamais qu'un savoir livresque, qu'une certaine documentation dans l'ordre des faits; elle pourra nous permettre de citer beaucoup l'auteur, mais sans jamais nous procurer la connaissance vivante du Message qu'il essaie de nous apporter". (L'Amour et le Savoir, le Feu créateur, pages 98-99)

một loại thông tin về trật tự sự kiện; nó có thể giúp chúng ta trích dẫn tác giả nhiều hơn, nhưng không bao giờ cung cấp cho chúng ta kiến thức sống động về Thông điệp mà ông ấy cố gắng truyền đạt." (L'Amour et le Savoir, le Feu créateur, trang 98-99).

Trang 442 & 443

FRANÇAIS

"Il n'y a dans l'Univers qu'une seule force créatrice, c'est la Puissance de Dieu le Saint-Esprit, Dans l'homme, l'une de ses manifestations est le désir sexuel... C'est dans le mystère sexuel que l'homme peut créer, c'est en lui que se manifeste Dieu le Saint-Esprit. Puis, au cours de son évolution, l'homme apprend la manière d'élever ce désir sexuel à des niveaux de plus en plus exaltés, Si bien qu'il devient apte à créer... c'est la même - énergie créatrice qui inspire la grande œuvre d'art, qui permet au philosophe ou au savant de travailler pour l'humanité, au Réformateur social et au philanthrope d'amender la faculté commune à tous les hommes, leurs frères,.... C'est par la transmutation et non par la répression de nos désirs et de nos passions terrestres que la

TIẾNG VIỆT

"Trong vũ trụ chỉ có một lực lượng sáng tạo duy nhất, đó là Quyền lực của Thánh Thần. Trong con người, một trong những biểu hiện của nó là khao khát tình dục... Chính trong bí ẩn tình dục mà con người có thể sáng tạo, chính nó là sự biểu hiện của Thánh Thần. Rồi, trong quá trình tiến hóa của mình, con người học cách nâng cao khao khát tình dục của mình lên các cấp độ cao hơn và siêu việt hơn, đến mức mà anh ta trở nên có khả năng sáng tạo. Chính năng lượng sáng tạo đã truyền cảm hứng cho những kiệt tác nghệ thuật vĩ đại, đã cho phép nhà triết học hoặc nhà khoa học làm việc vì loài người, cho Người cải cách xã hội và nhà bác ái cải thiện năng lực chung của tất cả mọi người, những người anh em của họ... Chính thông qua sự biến chuyển, không phải kìm hãm, những khao khát và đam mê trần tục của

Création à des niveaux supérieurs nous devient possible".

chúng ta mà sự Sáng tạo ở những cấp độ cao hơn trở nên khả thi cho chúng ta".

Trang 443

FRANÇAIS

"Kali, Shakti de Shiva, est généralement représentée sous des traits effroyables, une femme noire, nue. la chevelure au vent, tirant la langue, portant un collier de têtes humaines, foulant aux pieds le corps de son époux, brandissant un couteau sanguinolent et une tête fraîchement coupée. Et pourtant, elle est par excellence La Mère Divine".

TIẾNG VIỆT

"Kali, Shakti của Shiva, thường được miêu tả với vẻ ngoại hình đáng sợ, một phụ nữ da đen, trần trụi, tóc bay phấp phới, lè lưỡi ra, đeo một chuỗi hạt đầu người, đạp lên người chồng cô, giơ cao một con dao nhỏ đâm máu và một đầu mới bị chặt. Tuy nhiên, cô lại là Nguyên mẫu cao cả của Đức Mẹ Thiêng liêng"

Trang 446

FRANÇAIS

Entre ces 2 femmes Wilhelmine Schröder-Devrient et Cosima Liszt, un peu en arrière et à demie voilée, tout près du Maître, Mathilde Wesendonck occupe une place plus discrète, mais à jamais glorieuse, celle de la mystérieuse inspiratrice car elle fût pour lui la Muse sacrée de l'âme profonde.

TIẾNG VIỆT

Giữa hai người phụ nữ này Wilhelmine Schröder-Devrient và Cosima Liszt, ở phía sau một chút và hơi che mặt, ngay gần thầy, Mathilde Wesendonck chiếm một vị trí kín đáo hơn, nhưng mãi mãi vẻ vang, đó là người bí ẩn mang cảm hứng, bởi vì cô là Nữ thần linh thiêng gợi mở tâm hồn sâu sắc cho anh.

Trang 446

FRANÇAIS

TIẾNG VIỆT

Comme il semait, des grains sont tombés au bord du chemin, et les oiseaux sont venus tout manger. D'autres sont tombés sur le sol pierreux, où ils n'avaient pas beaucoup de terre ; ils ont levé aussitôt, parce que la terre était peu profonde. Le soleil s'étant levé, ils ont brûlé et, faute de racines, ils ont séché. D'autres sont tombés dans les ronces ; les ronces ont poussé et les ont étouffés. D'autres sont tombés dans la bonne terre, et ils ont donné du fruit à raison de cent, ou soixante, ou trente pour un. Celui qui a des oreilles, qu'il entende !

Khi ngài gieo, một số hạt đã rơi xuống lề đường, và những con chim đã đến và ăn hết tất cả. Một số khác rơi xuống đất đá, nơi chúng không có nhiều đất; chúng mọc lên ngay lập tức, bởi vì đất nông cạn. Khi mặt trời lên, chúng bị cháy và do không có rễ, chúng đã héo úa. Một số khác rơi vào bụi gai; những bụi gai mọc lên và bịt kín chúng. Những hạt giống khác rơi xuống đất tốt, và đã mang lại trái, một trăm, hay sáu mươi, hoặc ba mươi cho mỗi hạt giống được gieo. Người nào có tai, hãy nghe!

Trang 447

FRANÇAIS

"Le chiffre 9, tout d'abord, joue un rôle dans l'architecture du poème. Il y a 9 cercles infernaux, et le plus haut ciel est le 9ème ciel - ciel cristallin ou premier mobile - qui emporte dans son mouvement le monde entier. L'association entre Béatrice et le chiffre 9 y est constante. Béatrice est elle-même "un chiffre 9", ce qui s'explique, nous assurent les commentaires, par la signification de chiffre de la Sagesse attribuée au 9 par les symbolismes initiatiques."

TIẾNG VIỆT

"Con số 9, trước hết, đóng một vai trò trong bố cục của bài thơ. Có 9 vòng địa ngục, và trời cao nhất là trời thứ 9 - trời pha lê hoặc thiên thể đầu tiên - nó mang trong chuyển động của mình cả thế giới. Mối quan hệ giữa Béatrice và con số 9 là không thay đổi. Chính Béatrice là "một con số 9", điều này được giải thích, theo các lời bình giải, do ý nghĩa của con số Trí Tuệ mà con số 9 mang lại, dựa theo các biểu tượng của huyền học."

FRANÇAIS

(C'est Béatrice qui introduit Dante au Paradis... La Divine Comédie est un pic isolé. Il est très difficile de l'aborder parce que c'est haut, c'est difficile, c'est aride, c'est en dehors des habitudes et de la sensibilité même de notre époque).

TIẾNG VIỆT

(Chính Béatrice đã giới thiệu Dante đến Thiên Đàng... La Divine Comédie là một đỉnh núi biệt lập. Nó cực kỳ khó tiếp cận vì nó cao, khó khăn, cằn cỗi, và không phù hợp với thói quen cũng như cảm quan của thời đại chúng ta).

FRANÇAIS

"Ce n'est pas l'homme sans passion ni désir qui pourra jamais accomplir une Création importante, mais c'est celui-ci, doué d'une forte nature passionnelle, est capable de tirer la quintessence de métaux supérieurs ou en d'autres termes libère l'énergie créatrice de ce qui la retient en bas, puis la conduit vers les régions supérieures où elle devient la puissance créatrice de l'esprit.

Une nature puissante peut être très perverse, au moins offre-t-elle la possibilité de devenir très bon. Au contraire, une nature sans énergie est trop débile et trop insignifiante pour être soit mauvaise, soit bonne. Ce n'est pas sans raison que les âmes tièdes sont condamnées dans l'Apocalypse et que Dante, non content de leur fermer le Paradis

TIẾNG VIỆT

Đã dịch ở trang 362

Người không có đam mê hay khao khát, lẫn người bản thân bị đam mê và phủ nhận chi phối sẽ không phát kiến được cái gì to lớn đâu. Mà chính người có một đam mê mạnh mẽ (hoặc có bản chất đam mê mạnh mẽ), mới có khả năng chiết xuất tinh hoa từ những kim loại cao cấp, giải phóng năng lượng sáng tạo khỏi những thứ kìm hãm nó, sau đó hướng nó về những vùng cao hơn nơi nó trở thành lực lượng sáng tạo mạnh mẽ của tinh thần.

Một bản chất mạnh mẽ có thể trở nên rất xấu xa, nhưng ít nhất nó cũng có khả năng trở nên vô cùng tốt. Ngược lại, một bản chất không có năng lượng, quá yếu đuối và quá tầm thường để có thể là xấu hay tốt. Không phải không có lý do mà những linh hồn hờ hững bị lên án trong sách Khải Huyền ; và

et le Purgatoire, ne les admet point même dans l'enfer".

Dante, không những đã không cho họ bước chân vào Thiên Đàng hay Luyện Ngục, mà thậm chí cũng không chịu nhận họ vào Địa Ngục!

Trang 454

FRANÇAIS

(La Pensée produit 'un tourbillon' et que ce tourbillon attire à lui tout ce qui est nécessaire à la réalisation de la Pensée.)

TIẾNG VIỆT

(Tư Tưởng tạo ra 'một cơn lốc' và cơn lốc này thu hút mọi thứ cần thiết để hiện thực hóa Tư Tưởng.)

Trang 454

FRANÇAIS

L'Atome est un tourbillon ou Vortex, à la base de la Matière.

TIẾNG VIỆT

Nguyên tử là một cơn lốc hoặc Vortex, cơ sở của Vật Chất.

Trang 458

FRANÇAIS

"L'auteur part de cette constatation que les êtres et les choses, depuis les astres jusqu'à l'atome, sont soumis à la loi de

TIẾNG VIỆT

"Tác giả xuất phát từ sự quan sát này rằng các sinh vật và vạn vật, từ các vì sao cho đến nguyên tử, đều tuân theo luật

Trang 459

FRANÇAIS

gravitation universelle, qui lance tout l'Univers dans un vaste mouvement rotatoire sans fin. L'Homme n'échappe pas à cette loi qui préside à la formation des mondes. À un certain point de

TIẾNG VIỆT

hấp dẫn, khiến toàn bộ Vũ Trụ bị ném vào một động tác xoay vòng quay vĩ đại không bao giờ chấm dứt. Con người không thoát khỏi định luật điều khiển sự hình thành của các cõi giới này. Dưới một góc

vue, nous pouvons donc considérer notre corps comme une agglomération ou un agglomérat de cellules en forme de cylindre qui serait traversé par un courant tournant autour d'un axe, formé par la colonne vertébrale.

Le mouvement du courant vital moléculaire traverse l'organisme entier, de cellule en cellule, en portant avec lui des éléments toujours neufs puisés aux sources alimentaires et dans l'air atmosphérique.

C'est ce courant moléculaire en forme spirale qui se manifeste avec le plus d'intensité à la surface de la peau qui donnerait aux êtres leur forme. La Maladie, quel que soit le nom qu'on lui donne, serait toujours due à une interruption du 'courant vital moléculaire'. D'où il résulte que le traitement de tous les états morbides doit viser, tout simplement, à rétablir le tourbillonnement d'énergie.

Comment? Par des frottements tactiles superficiels pratiqués de la manière suivante: placez la paume de la main droite au sommet de votre crâne.

Imprimez-lui un mouvement circulaire qui caressera - sans appuyer - la surface de votre tête en allant de gauche à droite pour la partie arrière, et de droite à gauche pour la partie avant. Ces

độ nào đó, chúng ta có thể coi cơ thể của chúng ta như một tụ tập hoặc một lượng tụ của các tế bào dạng trụ được xuyên qua bởi một dòng chảy xoay quanh một trục, hình thành bởi cột sống.

Sự di chuyển của dòng chảy sinh mệnh phân tử xuyên qua toàn bộ cơ thể, từ tế bào này sang tế bào khác, mang theo những yếu tố mới được lấy từ nguồn thực phẩm và từ không khí xung quanh.

Chính dòng phân tử xoắn ốc này thể hiện mạnh mẽ nhất ở bề mặt da làm cho sinh vật có hình dạng. Căn bệnh, bất kể tên gọi là gì, luôn luôn do sự gián đoạn của 'dòng chảy sinh mệnh phân tử'. Do đó, việc điều trị tất cả các tình trạng bệnh lý phải nhằm vào việc đơn giản là khôi phục dòng xoay của năng lượng (khí).

Làm thế nào? Bằng cách xoa nhẹ bề mặt theo cách sau đây: đặt lòng bàn tay phải lên đỉnh đầu bạn. Gây ra một chuyển động tròn vuốt ve - không ép mạnh- phần sau đầu, xoa đầu bạn đi từ trái sang phải, phần trước thì xoa từ phải sang trái. Các hướng này được phỏng theo chuyển động của Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời từ Tây sang Đông.

('Le Bonheur', Jeans des Vignes Ronges, Paris, Éditions de France, 1939, trang.77).

directions ont été choisies par analogie au mouvement de la Terre qui tourne autour du Soleil de l'Ouest à l'Est". ('Le Bonheur', Jeans des Vignes Ronges, Paris, Éditions de France, 1939, p.77).

Trang 465

FRANÇAIS

(Les Formes-pensées envoyées contre les hommes hautement évolués sont impuissantes à l'atteindre mais par contre, elles retournent vers leurs créateurs et les blessent mentalement, moralement et physiquement).

TIẾNG VIỆT

(Những Hình thức-suy nghĩ gửi chống lại những con người tiến hóa cao không thể làm tổn thương họ nhưng ngược lại, chúng lại trở về với những người tạo ra chúng và làm tổn thương họ về mặt tinh thần, đạo đức và thể chất).

Trang 469

FRANÇAIS

"En 1819, Lucilio Vanini fut brûlé vif en grande pompe à l'âge de trente-quatre ans.,. Car la théorie de l'Éternel Retour choquait la conscience chrétienne encore plus que la conscience antique.,." (p.7).

TIẾNG VIỆT

"Vào năm 1819, Lucilio Vanini đã bị thiêu sống một cách hoành tráng ở tuổi ba mươi tư. Vì lý thuyết về Sự Trở Lại Vĩnh Hằng đã làm sốc nhận thức Cơ đốc giáo hơn là nhận thức thời cổ đại. » (trang 7)

Trang 469

FRANÇAIS

"Tout ce qui vit se développe, non pas suivant une ligne droite, comme on l'a cru au 19e siècle, mais suivant une loi cyclique dont la plus belle Image est celle des

TIẾNG VIỆT

"Mọi sự sống phát triển, không theo một đường thẳng như người ta đã tin vào thế kỷ 19, mà theo một định luật chu kỳ mà biểu tượng đẹp nhất của nó là những

grandes ondulations des flots à la surface des mers.

Cette loi cyclique, admise naturellement pour les modes d'activité soumis aux rythmes des jours et des nuits et des saisons, semble régir, bien que de façon moins visible, la vie des peuples et des races. Une vue d'ensemble de l'Histoire révèle, en effet, des analogies de situation assez précises pour avoir éveillé l'attention de certains érudits.

gợn sóng lớn trên bề mặt biển.

Định luật chu kỳ này, được chấp nhận một cách tự nhiên đối với các chế độ hoạt động tuân theo nhịp điệu của ngày và đêm cũng như của mùa vụ. Nó dường như chi phối, mặc dù một cách thầm lặng hơn, cuộc sống của các dân tộc và các chủng tộc. Một cái nhìn tổng quan về Lịch Sử đã thực sự hé lộ sự tương đồng sự kiện khá chính xác đến nỗi đã thu hút sự chú ý của một số học giả.

Trang 470

FRANÇAIS

"Il y a comme un rythme régulier dans l'histoire de notre pays où les mêmes situations se reproduisent à plusieurs centaines d'années de distance", a déjà écrit M. Jacques Bainville.

(...) "L'existence d'une loi mystérieuse, inconnue jusqu'ici, et dont l'étude apparaît passionnante semble avoir été entrevue par les Anciens, car le nombre 539 (le cycle de 539) semble avoir figuré dans la Sainte-Bible sous la forme 77 fois 7 fois: "Celui qui accablera Caïn sera maudît 7 fois. Et celui qui accablera Lamech sera maudît 77 fois 7 fois".

TIẾNG VIỆT

"Có một nhịp điệu đều đặn trong lịch sử đất nước chúng ta, nơi những tình huống tương tự tái diễn mỗi vài trăm năm một lần", ông Jacques Bainville viết.

(...) "Sự tồn tại của một định luật bí ẩn, chưa từng biết đến trước đây, và có vẻ người xưa đã nghiên cứu một cách khá thú vị, vì con số 539 (chu kỳ của 539) dường như đã được ghi trong Kinh Thánh dưới hình thức 77 nhân 7 lần: 'Người nào hại Cain sẽ bị nguyền rủa 7 lần. Và người nào hại Lamech sẽ bị nguyền rủa 77 lần 7 lần'.

Trang 470

FRANÇAIS

On dit que l'Histoire est un Perpétuel Recommencement (...). Autrement dit, l'Histoire est comme une Roue tournante: le 'Haut redevient le Bas et le Bas redevient le Haut. Dans la nature, tout se fait circulairement. Les planètes tournent sur leur axe, des satellites tournent autour des planètes; et l'ensemble tourne autour d'une étoile dont le système tourne lui-même autour d'un système plus grand".

TIẾNG VIỆT

Người ta nói rằng Lịch Sử là một Sự Khởi Đầu Vĩnh Cửu (...). Nói cách khác, Lịch Sử giống như một Bánh Xe quay: cái 'Cao' trở thành cái 'Thấp' và cái 'Thấp' trở thành cái 'Cao'. Trong tự nhiên, mọi thứ được thực hiện một cách tuần hoàn. Các hành tinh quay quanh trục của chúng, các vệ tinh quay quanh các hành tinh; và tổng thể quay quanh một ngôi sao mà hệ thống của nó cũng quay quanh một hệ thống lớn hơn".

Trang 475

FRANÇAIS

(L'atmosphère de la Terre se trouvait remplie d'un gaz provoquant l'Hyper-lucidité. Cet éveil de la super-conscience ne semble avoir été compris et recherché jusqu'ici que par des Mystiques." (L'homme, cet infini - Au Temps de la Comète).

TIẾNG VIỆT

(Khí quyển của Trái Đất được lấp đầy bởi một khí gas gây ra sự cực kỳ sáng suốt. Sự thức tỉnh của siêu ý thức này dường như chỉ được hiểu và tìm kiếm cho đến nay bởi các Nhà duy tâm. (L'homme, cet infini - Au Temps de la Comète).

Trang 475

FRANÇAIS

"Les Comètes n'annonçaient pas seulement les événements funestes, les désastres, les guerres, les révolutions, les troubles possibles et de toutes sortes,... Elles magnétisent pour ainsi dire la Terre et les planètes,

TIẾNG VIỆT

"Những ngôi sao chổi không chỉ báo hiệu những sự kiện tai hại, những thảm họa, chiến tranh, cách mạng, những rối loạn có thể xảy ra và đủ loại... Chúng từ trường hóa cho Trái Đất và các hành tinh, cũng như những Mặt

aussi bien les Soleils en voie de déperdition du Fluide Vital (Fluide prânique). Elles renouvellent en démagnétisant les Planètes des fluides nocives afin d'introduire les nouvelles fluides magnétiques..."

(Croyances relatives aux Comètes, page 9)

Trời đang mất dần Sinh khí (prana). Chúng làm mới lại bằng cách giải tử hóa các Hành tinh khỏi các dịch chất có hại để đưa vào những Sinh khí tử hóa mới..."

(Croyances relatives aux Comètes, trang 9)

Trang 475

FRANÇAIS

"Les Comètes sont des bienfaitantes des Sphères sidérales; leur présence, sur un astre redonne à ce dernier une vigueur nouvelle, une infusion nouvelle de vitalité intellectuelle et morale, un ferment divin qui agite la Masse et l'empêche de se corrompre dans la torpeur de ses plaisirs et la stagnation croupissante de ses passions morbides".

TIẾNG VIỆT

"Sao chổi là những tác nhân thiện ích của các Vì sao; sự hiện diện của chúng, trên một thiên thể, trao cho nó một sinh khí mới, một sự ngấm nhuần mới của sinh lực trí tuệ và đạo đức, một men thần thánh khiến toàn bộ khối lượng bị kích động và ngăn cản nó bị hư hại trong sự tê liệt của những thú vui và mục nát đọng ứ của những đam mê bệnh hoạn".

Trang 487

FRANÇAIS

« Pour rester vivante, dynamique, la Pensée doit suivre la loi biologique de la vie cellulaire. Rejeter toujours les détails, garder l'Essentiel... Les grains de la Pensée doivent se libérer de la surcharge morte de la Mémoire et

TIẾNG VIỆT

"Để duy trì sự sống, sự năng động, Tư Duy phải tuân theo luật sinh học của tế bào. Bỏ đi những chi tiết vụn vặt, giữ lấy Bản Chất... Những hạt giống Tư Duy phải giải thoát khỏi gánh nặng chết chóc của Trí Nhớ và chỉ giữ lại những hạt giống của Bản Chất."

garder seulement les grains de l'Essentiel »

Trang 491

FRANÇAIS

"Le Swastika (ou Croix Gammée, n'est pas 1 signe spécial à l'Inde aryenne. On l'a rencontré un peu partout; au Mexique, au Pérou, en Chine... Son origine paraît très ancienne, puisqu'on l'aurait reconnu dans des dessins rupestres tracés par les hommes de l'Age de Pierre).

TIẾNG VIỆT

"Swastika (chữ Vạn), không phải là một biểu tượng đặc biệt của Ấn Độ nhóm Aryan. Nó đã xuất hiện ở khắp mọi nơi; tại Mexico, Peru, Trung Hoa... Nguồn gốc của nó có vẻ rất cổ xưa, vì người ta đã nhận ra nó trong các hình vẽ trên đá, được vẽ bởi con người thời kỳ Đồ Đá)

Trang 495

FRANÇAIS

"L'Inconscient de l'Homme renferme une personnalité féminine (anima).

L'Inconscient de la Femme referme une personnalité masculine (animus).

Donc, Homme:

- qualités masculines conscientes;
- qualités féminines inconscientes.

Femme:

- qualités féminines conscientes;
- qualités masculines inconscientes.

TIẾNG VIỆT

"Bên trong Vô thức của Người Nam chứa đựng một nhân cách nữ tính (anima).

Trong Vô thức của Người Phụ nữ cũng chứa đựng một nhân cách nam tính (animus).

Do đó, Nam giới:

- các đặc tính nam tính thì có ý thức;
- các đặc tính nữ tính thì tiềm ẩn.

Nữ giới:

- các đặc tính nữ tính thì có ý thức;
- các đặc tính nam tính thì tiềm ẩn.

(trang 294, 295, P. Daco. Psychanalyse)

(p. 294, 295, P. Daco.
Psychanalyse).

Trang 497

FRANÇAIS

"Ce qui est en Haut est comme ce qui est en Bas; ce qui est en Bas est comme ce qui est en Haut".

TIẾNG VIỆT

"Trên cao thế nào thì dưới cũng như vậy; dưới thấp như thế nào thì trên cao cũng như thế" (Thiên Nhân tương ứng)

Trang 497

FRANÇAIS

"Démon est Deus inversus"

TIẾNG VIỆT

Quỷ là Chúa đảo ngược lại

Trang 498

FRANÇAIS

La Galaxie, elle aussi, n'est pas immobile. Elle fait un tour sur elle-même en 300 millions d'années et entraîne, dans l'Infini, ses milliards d'étoiles, à la vitesse de 600.000 mètres par seconde. La Galaxie c'est notre Univers.

TIẾNG VIỆT

Ngân Hà, cũng như vậy, không đứng yên. Nó quay một vòng quanh chính nó trong 300 triệu năm và kéo theo, trong Vô Cực, hàng tỷ ngôi sao của nó, với vận tốc 600.000 mét mỗi giây. Ngân Hà chính là Vũ Trụ của chúng ta.

Trang 499

FRANÇAIS

"Vous n'avez qu'à faire circuler la Lumière, et c'est là le Secret le plus haut et le plus merveilleux... Lorsqu'on la fait circuler assez longtemps en Cercle, elle se cristallise, c'est le Corps-

TIẾNG VIỆT

"Bạn chỉ việc làm cho Ánh Sáng lưu thông, đó chính là Bí Mật cao cả và kỳ diệu nhất... Khi bạn làm cho nó lưu thông đủ lâu theo Vòng Tròn, nó sẽ kết tinh, đó là Thân

Spirituel" (Le Secret de la Fleur d'Or, p.48).

Thể Tinh Thần" (Le Secret de la Fleur d'Or, trang 48).

Trang 499

FRANÇAIS

Les forces tourbillonnantes nous sont aussi un enseignement sur la loi de choc en retour, toujours inévitable, surtout quand le but est manqué, toute la puissance acquise en cours de route s'accumule au centre du retour et retient frapper à son point d'émission."

TIẾNG VIỆT

"Những lực xoáy cũng là bài học cho chúng ta về luật phản phục, luôn luôn không thể tránh khỏi, đặc biệt khi lỡ mục tiêu, toàn bộ năng lượng tích lũy trong quá trình sẽ tập trung tại trung tâm của điểm phản và quay trở lại đập mạnh vào điểm phát ra."

Trang 500

FRANÇAIS

"il fallait traiter les Cultures comme des phénomènes indépendants par nature, évoluant indépendamment de l'homme, c'est-à-dire comme des phénomènes spatiaux". (Page 79, 1940}.

TIẾNG VIỆT

"cần phải đối xử với các Nền Văn Hóa như những hiện tượng tự nhiên độc lập, phát triển độc lập khỏi con người, nghĩa là như những hiện tượng không gian" (trang 79, 1940).

Trang 502

FRANÇAIS

'D'après la Science Secrète des Anciens, les Comètes n'annonçaient pas seulement les événements funestes, les désastres, les guerres, les troubles de toutes sortes, présages de malheur pour les

TIẾNG VIỆT

"Theo Khoa Học thần bí của Người Xưa, các Sao Chổi không chỉ báo hiệu những sự kiện tai họa, thảm họa, chiến tranh, những rối loạn đủ loại, là điềm báo của xui xẻo cho người này, chúng cũng tất yếu là điềm lành cho

uns, elles furent nécessairement des présages d'heureuses augures pour les autres, comme l'apparition des taches solaires,... Elles magnétisent pour ainsi dire la Terre et les Planètes aussi bien que les soleils en voie de perdition du Fluide Vital... Elles renouvellent en démagnétisant les Planètes des fluides nocives afin d'introduire les nouvelles fluides magnétiques..."

người khác, giống như sự xuất hiện của các vết đốm mặt trời... Chúng tử trường hóa cho Trái Đất và các hành tinh, cũng như những Mặt Trời đang mất dần Sinh khí (prana). Chúng làm mới lại bằng cách giải tử hóa các Hành tinh khỏi các dịch chất có hại để đưa vào những Sinh khí tử hóa mới..."

Trang 502

FRANÇAIS

"La traversée d'une queue de Comète contenant des gaz toxiques et asphyxiants occasionne la Fin du Monde..."

TIẾNG VIỆT

"Việc Sao Chổi đi qua và đuôi của Sao Chổi có chứa khí độc và ngạt thở có thể dẫn đến Ngày Tận Thế..."

Trang 503

FRANÇAIS

Ce Principe "Ce qui est en Haut est comme ce qui est en Bas..." implique la Vérité et les Phénomènes des Divers plans de l'Être et de la Vie... Comprendre ce principe confère les moyens de résoudre bien des paradoxes obscurs et bien des secrets cachés de la Nature. Cette Loi universelle, ce Principe de Correspondance, les Anciens Initiés le considéraient comme un des instruments mentaux les plus importants à l'aide duquel

TIẾNG VIỆT

Nguyên Tắc "Trên Trời như thế nào, dưới Đất cũng như thế » (Thiên Nhân tương ứng)... liên quan đến Sự Thật và Hiện tượng của Các tầng bậc khác nhau của sinh vật và sự sống. ... Hiểu được nguyên tắc này giúp ta giải thích nhiều nghịch lý khó hiểu và nhiều bí mật ẩn giấu của Tự nhiên. Các thánh nhân hồi xưa kia coi đó như một trong những công cụ tinh thần quan trọng nhất, nhờ đó có thể lách qua các trở ngại che khuất « cái Không biết ». Nhờ nó

l'homme était capable de renverser victorieusement les obstacles qui surgissaient en face de l'Inconnu. C'est à lui qu'il fut possible d'écartier le Voile d'Isis au point d'entrevoir dans un éclair une partie de la figure de la Déesse. Le Principe de Correspondance Connue. En étudiant la monade, il comprend l'archange." (Le Kybalion, p.27 et chapitre VIII (p.79-91).

mà con người đã có thể Lật Mở khăn che của Isis để nhìn thấy một phần khuôn mặt của Nữ Thần trong một khoảnh khắc chớp nhoáng. Khi hiểu được Nguyên lý Tương Đồng, lúc ta nghiên cứu monade (người dịch chú thích : đây là khái niệm riêng của huyền học, có thể dịch là « hạt nguyên tử »), ta sẽ hiểu được archange (người dịch chú thích : đây là khái niệm riêng của huyền học, có thể hiểu là cosmocréateur, đấng tạo hóa). (Le Kybalion, trang 27 và chương VIII (trang 79-91).

(người dịch chú thích : nói chung đoạn này khó dịch theo câu chữ, đại ý là nhờ biết được Nguyên lý Tương Đồng mà ta biết Macrocosme (vũ trụ vĩ mô) hay microcosme (tiểu vũ trụ) đều tương đồng nhau, biết cấu tạo của một nguyên tử thì sẽ biết được cấu tạo của dải ngân hà. 7 nguyên lý của sách Kybalion cụ Cần có giảng ở phần Phụ lục sách « Dịch học tinh hoa »).

Trang 503

FRANÇAIS

"Immortalité n'est pas Éternité.

"L'immortel taoïste peut, au plus, espérer durer autant que le monde. Un temps viendra où ce monde avec ses dieux avec la terre, les astres, avec tout ce qui le constitue se désintégrera et

TIẾNG VIỆT

"Bất tử không phải là Vĩnh cửu.

"Người đạo sĩ bất tử chỉ có thể hy vọng kéo dài tồn tại ngang bằng với thế giới. Đến một lúc nào đó, thế giới này cùng với các vị thần của nó, trái đất, những vì sao, và tất cả những gì tạo nên nó sẽ tan

s'engloutira dans le Chaos dont il est sorti.

"Le rêve d'immortalité de l'Immortel finira; il s'évanouira comme s'évanouit le rêve d'une nuit et nul rêveur ne demeurera pour s'en souvenir." (p.30).

"Devenir immortel ne signifie pas nécessairement une très longue existence du corps physique... La signification principale est: "S'unir avec le "Principe Éternel" et, parcourir, s'élever au-dessus de la Nature." (p. 27).

rã và chìm vào trong Hỗn mang, là nơi bắt nguồn của nó.

"Giấc mơ bất tử của Người Bất tử sẽ kết thúc; nó sẽ tan biến như giấc mơ của một đêm và không một người mơ nào còn tồn tại để nhớ về nó. » (trang 30).

"Trở nên bất tử không nhất thiết có nghĩa là cơ thể vật lý tồn tại lâu... Ý nghĩa chính là: 'Hợp nhất với "Nguyên Lý Vĩnh Cửu" và đi vượt lên cả Tự Nhiên.'" (trang 27).

Trang 504

FRANÇAIS

"D'après la Science Secrète des Anciens, les Comètes n'annonçaient pas seulement les événements funestes, les désastres, les guerres, les troubles de toutes sortes, présages de malheur poire les uns, elles furent nécessairement des présages d'heureuse augures pour les autres, comme l'apparition des taches solaires,... Elles magnétisent pour ainsi dire la Terre et les Planètes aussi bien que les soleils en voie de perdition du Fluide Vital... Elles renouvellent en démagnétisant les planètes des fluides nocives afin d'introduire les nouvelles fluides magnétiques..."

TIẾNG VIỆT

Giống trang 502

"Theo Khoa Học thần bí của Người Xưa, các Sao Chổi không chỉ báo hiệu những sự kiện tai họa, thảm họa, chiến tranh, những rối loạn đủ loại, là điềm báo của xui xẻo cho người này, chúng cũng tất yếu là điềm lành cho người khác, giống như sự xuất hiện của các vết đốm mặt trời... Chúng tử trường hóa cho Trái Đất và các hành tinh, cũng như những Mặt Trời đang mất dần Sinh khí (prana). Chúng làm mới lại bằng cách giải tử hóa các Hành tinh khỏi các dịch chất có hại để đưa vào những Sinh khí tử hóa mới..."

FRANÇAIS

"La traversée d'une queue de Comète contenant des gaz toxiques et asphyxiants occasionne la Fin du Monde..."

TIẾNG VIỆT

Giống trang 502

"Việc Sao Chổi đi qua và đuôi của Sao Chổi có chứa khí độc và ngạt thở có thể dẫn đến Ngày Tận Thế..."

FRANÇAIS

"Le Yésod est la Lune, ayant comme Chiffre commun, malgré la séparation des corps physiques et la Lune est le plus ancien des 2 astres; c'est-à-dire qu'en matière éthérique, la Lune est le pôle positif de la batterie, dont la Terre est le pôle négatif (...) Les reflux lunaires jouent un rôle très important dans les processus physiologiques des plantes comme des animaux, dans la germinations et la croissance des plantes et dans la génération des animaux, comme le prouve le cycle sexuel de la femme, qui est de 28 jours lunaires. C'est la lumière de la Lune qui est le facteur de ces activités éthériques, et, comme la Terre et la Lune

TIẾNG VIỆT

"Yésod là Mặt Trăng, có một Con số chung, mặc dù cơ thể vật lý đã tách rời và Mặt Trăng là ngôi sao cổ xưa hơn cả hai; tức là về mặt vật lý thiên tiên, Mặt Trăng là cực dương của ác quy, trong khi Trái Đất là cực âm (...) Hiện tượng thủy triều do Mặt Trăng gây ra đóng vai trò quan trọng trong các quá trình sinh lý của thực vật cũng như động vật, trong sự nảy mầm và phát triển của thực vật và trong sự sinh sản của động vật, như đã được chứng minh bởi chu kỳ sinh sản của phụ nữ, là 28 ngày âm. Chính ánh sáng Mặt Trăng là yếu tố của những hoạt động thiên tiên này, và, vì Trái Đất và Mặt Trăng

FRANÇAIS

TIẾNG VIỆT

n'ont ensemble qu'un seul double
éthérique, toutes activités de cet
ordre sont fortes.

chỉ có duy nhất một tính linh thể
đối ứng với nó, mọi hoạt động kiểu
này đều mạnh mẽ.

Trang 508

FRANÇAIS

"Joie et Chagrin, Plaisir et
Tristesse, Méfiance et Remords...
nous habitent alternativement, au
gré d'une humeur toujours
changeante... Nuit et Jour, ils se
succèdent en nous et nous ne
pouvons dire d'où ils viennent.

TIẾNG VIỆT

"Niềm vui và Nỗi buồn, Thú vui và
Sự đau khổ, Sự ngỡ vực và Hối
tiếc... chúng chiếm giữ chúng ta
luân phiên, theo một tâm trạng
luôn luôn thay đổi... Đêm và Ngày,
chúng thay phiên nhau trong
chúng ta và chúng ta không thể
biết chúng đến từ đâu.

Trang 509

FRANÇAIS

(phénomène de l'Ambivalence).
"L'Ambivalence est ce mélange
de désir et de crainte, d'amour et
de haine, d'appétence et de
dégoût.. Si l'amour et la haine, le
plaisir et la douleur ont été
éprouvés à l'occasion du même
objet, l'ambivalence cause la
plupart des grandes souffrances
humaines. Sans doute, il s'agit là
d'une tendance inconsciente, car
dans son Conscient, l'individu
redoutera car qui l'a fait souffrir et
fera tous les efforts possibles
pour s'en détourner; son
inconscient n'en restera pas
moins fixé à l'imagen initiale et
s'efforcera de la retrouver
partout." (Le Problème de la

TIẾNG VIỆT

(hiện tượng mâu thuẫn)
"Sự mâu thuẫn trong chúng ta là
sự pha trộn giữa mong muốn và
nỗi sợ hãi, tình yêu và hận thù,
lòng thèm muốn và sự ghê tởm...
Nếu tình yêu và hận thù, niềm vui
và nỗi đau đã được trải qua với
cùng một đối tượng, mâu thuẫn
nội tâm gây ra hầu hết những đau
khổ lớn của con người. Chắc
chắn, đó là một xu hướng vô thức,
vì trong Ý thức của mình, mỗi
người sẽ e ngại cái gì đã khiến họ
khổ đau và sẽ cố gắng hết sức để
tránh xa nó; nhưng vô thức của họ
sẽ vẫn gắn bó với hình ảnh ban
đầu và sẽ cố gắng tìm kiếm nó
khắp nơi.

Destinée (par Dr René Allendry,
Gallimard, 1927)

(Le Problème de la Destinée của
bác sĩ René Allendry, Gallimard,
1927)

Trang 509+510

FRANÇAIS

"Ceux que nous haïssons le plus
sont souvent aussi ceux que nous
aimons le plus. Faute de sentir
cette corrélation, on risque de
confondre le sentiment partiel
avec le sentiment global, et de
tuer une personne qu'on aime ou
d'épouser quelqu'un qu'on
s'apprête à haïr." (p. 82, Amour et
Connaissance)

TIẾNG VIỆT

"Những người mà chúng ta ghét
nhất thường cũng là những người
mà chúng ta yêu nhất. Do không
nhận ra sự liên hệ này, chúng ta
có thể nhầm lẫn giữa cảm xúc cục
bộ với cảm xúc toàn diện và có
thể giết chết một người mà mình
yêu hoặc kết hôn với người mà
mình sắp ghét bỏ." (trang 82,
Amour et Connaissance)

Trang 510

FRANÇAIS

"La Volonté de l'Homme constitue
une des Trois Grandes
Puissances qui régissent
l'Univers. " (p. 367)

TIẾNG VIỆT

"Ý Chí của Con Người là một trong
Ba Quyền Lực Vĩ Đại chi phối Vũ
Trụ."

Trang 510

FRANÇAIS

"... les ondes de notre pensée
peuvent sortir des limites bornées
de notre atmosphère et se
propager à l'infini instantanément
à travers les espaces du
firmament et de l'Univers sans
fin..."

TIẾNG VIỆT

"... các sóng suy nghĩ của chúng
ta có thể vượt ra ngoài giới hạn
hẹp hòi của bầu khí quyển và lan
tỏa tức thì vô hạn qua không gian
của bầu trời và Vũ Trụ bất tận ...

FRANÇAIS

Les vibrations de la pensée sont tellement subtiles et tellement rapides qu'elles sont véhiculées par l'Univers indépendamment des électrons et des ions, de telle sorte qu'elles peuvent osciller constamment dans tout l'Univers. Nous savons que la lumière solaire met, à raison de 300000 km par seconde, 8 minutes pour nous parvenir. Eh bien, notre pensée est beaucoup plus rapide que la lumière, parce qu'elle peut instantanément évoquer le soleil en image, même sans que nos yeux le regardent. De même, nous voyons la lumière de certaines étoiles disparues depuis des millions d'années, car la distance de ces étoiles disparues est tellement considérable que la lumière a dû mettre tout ce temps pour nous parvenir. Eh bien, notre pensée peut franchir instantanément cette distance.

Ainsi donc des ondes de la Pensée peuvent embrasser immédiatement tout l'Univers." (p.202)

"A côté de ceux qui sont opprimés par les hommes et par les événements, il y a en effet d'autres êtres en qui se trouve une sorte de Force Intérieure appelée Sagesse - à laquelle se soumettent non seulement les hommes, mais même les

TIẾNG VIỆT

Những rung động của ý tưởng tinh tế đến nỗi và nhanh đến nỗi chúng được Vũ Trụ vận chuyển độc lập không theo electron và ion, đến mức chúng có thể dao động liên tục ra khắp Vũ Trụ. Chúng ta biết rằng ánh sáng mặt trời mất 8 phút để đến với chúng ta, với tốc độ 300000 km/giây. Nhưng suy nghĩ của chúng ta nhanh hơn ánh sáng, bởi vì nó có thể ngay lập tức gợi lên hình ảnh của mặt trời, kể cả khi mắt chúng ta không nhìn thấy nó. Tương tự, chúng ta nhìn thấy ánh sáng từ những ngôi sao đã biến mất hàng triệu năm trước, bởi vì khoảng cách từ những ngôi sao đó xa đến nỗi ánh sáng mất rất nhiều thời gian để đến với chúng ta. Tuy nhiên, suy nghĩ của chúng ta có thể tức thì vượt qua khoảng cách ấy. Vì vậy, sóng Ý Nghĩ có thể ngay lập tức ôm trọn cả Vũ Trụ." (trang 202)

"Ngoài những người bị áp bức bởi con người và sự kiện, thực sự còn có những người chứa đựng trong họ một loại Lực Nội Tâm gọi là Trí Tuệ - mà không chỉ con người mà cả những sự kiện xung quanh họ cũng phải phục tùng."(trang 22)

... 'Liệu có phải rằng hạnh phúc hay bất hạnh, ngay cả khi chúng đến từ bên ngoài, thực sự chỉ tồn tại bên trong chúng ta không? Mọi thứ xung quanh chúng ta trở

événements qui les entourent." (p. 22)

... 'Il est vrai que le bonheur ou le malheur, lors même qu'il arrive du dehors, n'existe qu'en nous-mêmes? Tout ce qui nous entoure devient ange ou démon selon l'état de notre cœur.' (p. 111)

...'Il est si vrai que la présence du Sage paralyse le destin, qu'il n'existe peut-être pas un seul drame où paraisse un véritable Sage, et s'il y en paraît un, l'événement s'arrête de lui-même

thành thiên thần hay ma quỷ tùy thuộc vào trạng thái của trái tim chúng ta.' (trang 111)

... 'Quả thật sự hiện diện của Hiền Trí làm tê liệt định mệnh, mà có lẽ không có một bi kịch lại nào có Hiền Trí xuất hiện, và nếu có, thì sự kiện tự nó sẽ dừng lại.'

Trang 515

FRANÇAIS

"La liberté implique le rejet total, la négation de toute autorité psychologique intérieure.

La jeune Génération se figure que la liberté consiste à cracher au visage du gendarme, à faire tout ce qui lui passe par la tête. Mais le rejet de toute autorité extérieure ne signifie pas la libération complète de toute autorité intérieure ou psychologique.

Le disciple accepte l'autorité comme un moyen d'obtenir

TIẾNG VIỆT

"Tự do đòi hỏi sự bác bỏ triệt để, phủ nhận mọi quyền lực tâm lý nội tại.

Thế hệ trẻ cứ tưởng rằng tự do là việc khạc nhổ vào mặt cảnh sát, làm mọi điều xuất phát từ đầu óc họ. Nhưng việc bác bỏ mọi thẩm quyền bên ngoài không có nghĩa là sự giải phóng hoàn toàn khỏi mọi thẩm quyền nội tại hay tâm lý. Một đệ tử chấp nhận thẩm quyền như một phương tiện để đạt được

Trang 516

FRANÇAIS

TIẾNG VIỆT

ce qui lui a été promis par tel ou tel système, par telle ou telle philosophie, il s'y cramponne, en dépend, et ainsi renforce cette "autorité".

Nous ne parlons pas d'obéissance extérieure, du respect de la loi, mais intérieurement, psychologiquement, suivez-vous quelqu'un? Si oui, vous êtes essentiellement de seconde main; vous pouvez passer votre temps en bonnes œuvres, mener une vie exemplaire, tout cela n'a aucun sens.

Il y a aussi l'autorité de la tradition, tradition religieuse, familiale ou raciale. Puis, il y a la tradition de la mémoire... Le respect de la tradition a une certaine valeur à certains niveaux; à d'autres, il n'en a aucune. Les bonnes manières, la courtoisie, les égards sont les effets d'un esprit sans cesse en éveil mais peuvent petit à petit devenir tradition; un modèle de comportement est établi, l'esprit le répète. On ouvre la porte pour quelqu'un, on arrive à table à l'heure dite et ainsi de suite; mais désormais c'est devenu tradition, ce n'est plus une manifestation de clarté, d'éveil, d'acuité..." (Voie en entier, "l'Impossible Question" (par Krishnamurti, p. 25),

những gì đã được hứa hẹn bởi một hệ thống này hay triết lý kia, anh ta cố chấp vào đó, phụ thuộc vào nó, và như thế củng cố thêm « thẩm quyền » đó.

Chúng ta không nói về sự vâng lời bên ngoài, về việc tôn trọng luật pháp, nhưng bên trong, về mặt tâm lý, bạn có đi theo ai không? Nếu có, bạn thực ra là đồ cũ (tái sử dụng); bạn có thể dành thời gian làm việc thiện, sống một đời sống mẫu mực, tất cả những điều đó không có ý nghĩa gì.

Cũng có thẩm quyền của truyền thống, truyền thống tôn giáo, gia đình hay dân tộc. Sau đó, còn có truyền thống của trí nhớ... Việc tôn trọng truyền thống có giá trị nhất định ở một số cấp độ; ở những cấp độ khác không có giá trị gì cả. Phép lịch sự, nhã nhặn, sự quan tâm là kết quả của một tâm trí luôn tỉnh thức nhưng có thể dần dần trở thành truyền thống; một mô hình hành vi được thiết lập, tâm trí lặp lại. Bạn mở cửa cho ai đó, đến bữa ăn đúng giờ và cư như vậy; nhưng giờ đây điều đó đã trở thành truyền thống, không còn là biểu hiện của sự rõ ràng, tỉnh thức, sắc sảo nữa.

(Voie en entier, "l'Impossible Question" (par Krishnamurti, p. 25), Delachaux & Niestlé s.A. Neuchâtel (Switzerland) 1973.

FRANÇAIS

(La doctrine d'Horbiger tire sa puissance d'une vision complète de l'histoire et de l'évolution du Cosmos - Elle explique la formation du système solaire, la naissance de la Terre, de la vie et de l'Esprit... Tout repose sur l'idée de la lutte perpétuelle, dans les espaces Infinis, entre la Glace et le Feu et entre la force de Répulsion et la force d'Attraction. Cette lutte, cette tension changeante entre des principes opposés, cette éternelle guerre dans le Ciel, qui est la loi des planètes, régit aussi la Terre et la matière vivante et détermine l'histoire humaine. Horbiger prétend révéler le plus lointain passé de notre Globe et son lointain avenir, et il introduit des notions fantastiques sur l'évolution des espèces vivantes. Il bouleverse ce que nous pensons généralement de l'histoire des Civilisations, de l'Apparition et du développement de l'homme et des ses sociétés. Il ne décrit pas, à ce propos, une montée continue, mais une série de chutes et d'ascensions au cours d'une histoire, qui, sur Terre comme dans le Cosmos, se

TIẾNG VIỆT

(Học thuyết của Horbiger rút ra sức mạnh từ một tầm nhìn toàn diện về lịch sử và quá trình tiến hóa của vũ trụ - Nó giải thích bí mật hình thành hệ mặt trời, nguồn gốc của Trái Đất, sự sống và Linh hồn... Mọi thứ đều dựa trên ý tưởng về cuộc đấu tranh không ngừng nghỉ, trong không gian Vô Tận, giữa Băng và Lửa, giữa lực Đẩy và lực Hấp Dẫn. Cuộc đấu tranh này, sự căng thẳng liên tục thay đổi giữa những nguyên lý đối lập, cuộc chiến đấu vĩnh cửu trên trời cao, là đạo luật của các hành tinh, cũng điều khiển Trái Đất và vật chất sống và quyết định lịch sử loài người. Horbiger tuyên bố tiết lộ quá khứ xa xôi nhất của quá khứ của chúng ta và tương lai xa vời của nó, và ông đưa ra những quan niệm kỳ diệu về sự tiến hóa của các loài sinh vật. Ông làm xáo trộn những gì chúng ta thường nghĩ về lịch sử của các nền văn minh, sự xuất hiện và phát triển của con người và cộng đồng của họ. Ông không mô tả, về điều này, một sự leo thang liên tục, nhưng một loạt các sụp đổ và thăng trầm trong suốt lịch sử, mà, trên Trái Đất cũng như trong vũ trụ, diễn ra theo Chu Kỳ. Bởi vì luật lệ của Trời

déroule par Cycles. Car les lois du Ciel sont les mêmes que les lois de la terre et l'Univers tout entier participant du même mouvement, est un Organisme vivant où tout retentit sur tout. L'aventure des hommes est liée à l'aventure des astres, ce qui se passe dans le Cosmos se passe sur terre, et réciproquement. Comme on le voit, cette doctrine des Cycles et

là giống như luật lệ của đất và vũ trụ toàn thể, tham gia vào cùng một chuyển động, là một cơ thể sống, nơi tất cả mọi thứ đều ảnh hưởng lẫn nhau. Cuộc phiêu lưu của loài người liên quan đến cuộc phiêu lưu của các ngôi sao, những gì diễn ra trong vũ trụ diễn ra trên Trái đất, và ngược lại. Như có thể thấy, học thuyết về Chu Kỳ và

Trang 516

FRANÇAIS

des Relations étroites quasi-magiques entre l'homme et l'Univers donne de la force à la plus lointaine pensée traditionnelle. Elle réintroduit les très vieilles prophéties, les mythes et les légendes, les anciens thèmes de la Genèse, du Déluge, des Géants et des Dieux.

Cette doctrine, comme on le comprendra mieux, est en contradiction avec toutes les données de la science admise (pages 292-293 (Le Matin des Magiciens) mais qui justifiait d'anciens mythes.

Qu'est-ce qui caractérise essentiellement les conduites amoureuses des animaux? C'est leur ambivalence. Le sexe est à la fois fascination et terreur. Il suscite une attraction mais aussi un antagonisme. Feuilletons

TIẾNG VIỆT

những mối Quan hệ chặt chẽ, gần như ma thuật giữa con người và vũ trụ mang lại sức mạnh cho những học thuyết xa xưa nhất. Nó đưa trở lại những lời tiên tri cực kỳ cổ xưa, các thần thoại và huyền thoại, những chủ đề cũ của Sáng Thế, của Đại Hồng Thủy, của Người Khổng Lồ và các Vị Thần.

Học thuyết này, như chúng ta sẽ hiểu rõ hơn, trái ngược với tất cả các dữ liệu khoa học được công nhận (trang 292-293 (Le Matin des Magiciens)) nhưng lại biện minh cho những huyền thoại cổ xưa.

Điều gì cốt đặc trưng cho hành vi yêu đương của động vật? Đó là sự mâu thuẫn của nó. Tình dục vừa là sự quyến rũ vừa là nỗi khiếp sợ. Nó tạo ra một sự hấp dẫn nhưng cũng tạo ra sự đối kháng. Hãy xem qua sách của Rostand... chúng ta luôn tìm thấy sự đối lập

Rostand... nous y trouvons toujours le même contraste, et, à côté d'une grande diversité de rites de séduction (parades, jeux pré copulatoires, étalage de charmes pigmentaires, production d'odeurs attirantes ou grisantes, chants et bruitages divers), le plus étonnant répertoire de tortures et de supplices (fustigations, morsures, blessures mortelles, éentrations, mutilations, décapitations, dévorations). On s'est interrogé sur le sens de ces violences et l'on s'est avisé qu'elles ont pour effet -peut-être pour objet - d'exalter l'ardeur génésique.

Loin de décourager le partenaire, l'agressivité décuple

như thế, và, bên cạnh một sự đa dạng lớn các nghi thức quyến rũ (điều bộ, trò chơi trước khi giao phối, việc phô diễn vẻ đẹp sắc màu, sản sinh mùi hương hấp dẫn hoặc say đắm, tiếng hót và âm thanh đa dạng), kho tàng đáng ngạc nhiên nhất của sự tra tấn và hình phạt (roi da, cắn, vết thương chết người, xẻ thịt, cắt gọt, chặt đầu, ăn thịt). Người ta tự hỏi ý nghĩa của những bạo lực này và nhận ra rằng chúng có tác dụng - có thể là mục đích - để ca ngợi sự hăng hái sinh sản.

Không hề làm nản lòng đối tác, sự hung hãn thường làm tăng gấp bội

Trang 517

FRANÇAIS

généralement sa frénésie. La combativité est le ressort de l'Amour animal...; elle prend généralement une forme dévoratrice (comme chez la mante religieuse et certaines araignées), ce cannibalisme n'étant en somme chez la Femelle que le développement excessif de son côté récepteur, dont on trouve des variants moins féroces dans l'absorption buccale de la semence ou du spermatozoïde...

TIẾNG VIỆT

sự điên cuồng. Tính chiến đấu là lực lượng chủ đạo của Tình yêu động vật... nó thường xuyên biểu hiện ở dạng ăn thịt (như ở bọ ngựa và một số loài nhện), sự ăn thịt này cuối cùng chỉ là sự phát triển quá mức của khía cạnh tiếp nhận của con Cái, nơi mà chúng ta tìm thấy các biến thể ít dữ tợn hơn trong việc hấp thụ tinh dịch (tinh trùng) qua đường oral...

"Tình yêu thực sự là thú tính!"

"L'Amour est profondément animal!".

Trang 517 & 518

FRANÇAIS

"Chaque jour, en parlant du vol mystique des abeilles, quand la lumière est dans tout son éclat et surtout lorsque midi déploie jusqu'aux confins du Ciel ses grandes ailes bleues pour attirer les flammes du Soleil, la horde empanachée des mâles se précipite à la recherche de l'épouse plus royale et plus inespérée qu'en aucune légende de princesse inaccessible.

Malgré son impatience, la Reine choisit son jour et son heure... Elle aime le moment où un peu de rosée mouillé d'un souvenir- les feuilles et les fleurs... où le silence et les roses de midi qui s'approchent laissent encore percer çà et là quelque parfum des violettes du matin, quelque cri transparent de l'aurore."

La Reine, ivre de ses ailes, monte dans l'espace, suivie des mâles, car il faut qu'elle atteigne une région déserte que ne hantent plus les oiseaux qui pourraient troubler le mystère. Elle demande un dernier effort à ses ailes et voici que l'Élu des forces incompréhensibles la rejoint, la saisit, la pénètre, et qu'emportée

TIẾNG VIỆT

Mỗi ngày, khi nói về chuyến bay huyền bí của loài ong, lúc ánh sáng rực rỡ nhất và nhất là khi buổi trưa dang rộng đến tận cùng bầu trời đôi cánh xanh khổng lồ để thu hút những ngọn lửa Mặt Trời, đám đông ong đực lao mình đi tìm nàng dâu vương giả và điếm phúc hơn bất kỳ huyền thoại công chúa xa khuất nào.

Dù nóng lòng, Nữ Hoàng vẫn chọn ngày và giờ của mình... Nàng yêu khoảnh khắc khi chút sương còn đọng trên lá và hoa — như kỷ niệm ướt át... khi sự tĩnh lặng và những đóa hồng trưa đang đến gần vẫn còn để thoảng đâu đây chút hương hoa tím ban mai, chút tiếng kêu trong suốt của bình minh."

Nữ Hoàng, say men đôi cánh, bay vút lên không trung, theo sau là lũ ong đực, vì nàng phải đến được một vùng hoang vắng mà không loài chim nào còn lai vãng có thể quấy rối mầu nhiệm. Nàng đòi đôi cánh mình một nỗ lực cuối cùng, và kia, Kẻ Được Chọn bởi những sức mạnh không sao hiểu thấu đuổi kịp nàng, ôm lấy nàng, xuyên vào nàng, và trong cú phóng đôi, vòng xoáy bay lên của đôi cánh quán quýt cuộn tròn một giây

d'un double élan, la spirale ascendante de leur vol enlacé tourbillonne une seconde dans le délire hostile de l'Amour. Aussitôt l'Union accompli, le ventre du Mâle s'entrouve, le corps vidé tournoie et tombe dans l'abîme". (Livre V, Le Vol nuptial, p. 210... Fasquelle, 1929)

trong cơn mê sảng thù địch của Tình Yêu. Hợp Nhất vừa xong, bụng Ong Đực nứt toác ra, cơ thể trống rỗng quay cuồng và rơi xuống vực thẳm". (Livre V, Le Vol nuptial, tr. 210... Fasquelle, 1929)

Trang 521

FRANÇAIS

(Intervention et protection pour une force divine).

TIẾNG VIỆT

(Can thiệp và bảo vệ bởi một lực lượng thần thánh)

Trang 521

FRANÇAIS

(... parvenir à des performances étonnantes en matière de travail, posséder une résistance extraordinaire à la maladie, se rit de ses ennemis et semble invulnérable à la Mort).

TIẾNG VIỆT

(... đạt được những thành tích đáng kinh ngạc trong công việc, sở hữu sức đề kháng phi thường đối với bệnh tật, mỉa mai kẻ thù của mình và dường như có thể thoát được cả Tử Thần).

Trang 521

FRANÇAIS

"La force magique de certains Guérisseurs spirituels, des orateurs célèbres et des dictateurs, la capacité de Résistance et la Supériorité des Grands Politiciens... ne peuvent s'expliquer que par l'existence à

TIẾNG VIỆT

"Sức mạnh ma thuật của một số Người chữa trị tâm linh, những người diễn thuyết nổi tiếng và những nhà độc tài, khả năng Chống chịu và sự Vượt trội của các Chính trị gia Lớn. . . chỉ có thể giải thích bởi sự tồn tại tự nhiên

l'état naturel du HARA" (Le HARA, K.G. Durckheim, page 67}. .

của HARA" (Đan Điền) (le HARA, K. G. Durckheim, trang 67}. . .

Trang 525

FRANÇAIS

Magie Noire
Magie Blanche

TIẾNG VIỆT

(viết lại mấy từ tiếng Pháp bị viết sai trong sách)

Tà Thuật
Phép thuật chân chính

Trang 534

FRANÇAIS

"L'Astrologie est la Mère de la Chimie".
"La Physiologie est la Mère de L'anatomie.

TIẾNG VIỆT

"Chiêm tinh học là Mẹ của Hóa học".
"Sinh lý học là Mẹ của Giải phẫu học".

Trang 535

FRANÇAIS

« Vide Cosmique »

TIẾNG VIỆT

« Không gian hư không »

Trang 562

FRANÇAIS

"La Tentation du Retirement".
"Pourquoi et pour quelle raison tant d'hommes très cultivés essayent d'aller vivre plus profondément loin des villes et du siècle? "Ici, dit l'homme, je suis vrai, je suis moi - même et je respire! (...) Ils veulent vivre à

TIẾNG VIỆT

"Sự Cám Dỗ của Sự Tách Biệt".
"Tại sao và vì lý do gì mà nhiều người có học thức tìm cách sống xa rời thành phố và thế kỷ một cách sâu sắc hơn? "Ở đây," người ta nói, "tôi là chính tôi, tôi là thật và tôi hít thở! (...) Họ muốn sống theo quy mô con người, không

l'échelle humaine et non à l'échelle des bêtes domestiques! Ces individus partaient pour un jour, et ils ne sont plus revenus! Ces individus qui ont rejeté notre mode de vie ne se considèrent pas comme des nostalgiques du passé, mais comme des pionniers du futur."

phải quy mô của những con vật nuôi! Những cá nhân này đã rời đi một ngày, và họ không bao giờ trở lại! Những cá nhân đã từ bỏ lối sống của chúng ta không coi mình như những người hoài cổ quá khứ, mà như những nhà tiên phong của tương lai."

Trang 562

FRANÇAIS

"pionniers du futur".

TIẾNG VIỆT

"nhà tiên phong của tương lai". "

Trang 562

FRANÇAIS

"... Ces individus qui ont rejeté notre mode de vie ne se considèrent pas comme des nostalgiques du passé, mais comme des pionniers du futur."

TIẾNG VIỆT

Những cá nhân đã từ bỏ lối sống của chúng ta không coi mình như những người hoài cổ quá khứ, mà như những nhà tiên phong của tương lai."

Trang 603

FRANÇAIS

"L'Astrologie est la partie capitale de cet Ensemble des Sciences Secrètes, parce qu'elle est la Science Mère, plus exactement la Science Source, dont toutes les autres dérivent..."

Notre Globe est un navire de l'Espace Stellaire dont les vagues sont les Ondes - lumineuses, magnétiques ou aubes,

TIẾNG VIỆT

"Chiêm tinh học là một phần quan trọng của bộ môn Khoa Học Bí Mật này, bởi vì nó là Khoa Học Mẫu, cụ thể hơn là Khoa Học Gốc, mọi khoa học khác đều xuất phát từ nó..."

Trái Đất chúng ta là một con tàu trên Không Gian Tinh Tú, với những đợt sóng (vagues) là các loại sóng (ondes) - Ánh Sáng, từ

propagées par les mouvements et les ignitions des Corps Célestes; tout ce qui vit sur la Terre est baigné dans cet Océan des Ondes; la Science qui étudie cet Océan, la Science qui parviendra peut-être un jour à tout expliquer (les Chinois Font fait depuis 4.000 ans avant l'Ère Chrétienne) par l'état du Ciel du moment, est bien la Science Source..."

trường hoặc bình minh, được lan truyền bởi các chuyển động và vụ nổ của các Thiên Thể; tất cả mọi thứ sống trên Trái Đất đều được ngâm trong Đại Dương Sóng này; Loại khoa học nghiên cứu Đại Dương này, loại khoa học có thể một ngày nào đó giải thích tất cả mọi thứ (người Trung Quốc đã thực hiện điều này từ 4000 năm trước Công Nguyên) bằng cách xem bầu trời tại thời điểm đó, chắc chắn là Khoa Học Gốc..."

Trang 605

FRANÇAIS

Dans la région de la Lune =
Monde des Anges, Mercure =
Archanges.

Vénus = " Amour

(Forces Originelles) ... etc... (p.33-40)

- "C'est la "Loi naturelle", et c'est la connaissance des lois naturelles qui font du nombre 7 le nombre racine naturel du Monde Manifesté, ou tout au moins, de notre cycle vital terrestre actuel et c'est aussi une merveilleuse compréhension de l'action de ces lois, qui dévoilèrent aux Anciens tant de Mystères de la Nature."

(Doctrines Secrètes., p.531, Tome II)

= Le Septénaire est le nombre - sacré dans toutes les théogonies et dans les symboles.

TIẾNG VIỆT

Trong vùng Mặt Trăng = Thế giới của các Thiên Thần, Sao Thủy = Các Tổng Lãnh Thiên Thần.

Sao Kim = Tình Yêu

(Forces Originelles) ...v.v... (trang 33-40)

- "Đó là 'Luật tự nhiên', và kiến thức về các luật tự nhiên đã làm cho số 7 trở thành con số gốc tự nhiên của Thế Giới Hữu hình, hoặc ít nhất, của chu kỳ sống trần thế hiện tại của chúng ta và cũng là sự hiểu biết tuyệt vời về sự tác động của những luật này, đã mở ra cho Người xưa biết bao Bí Mật của Tự Nhiên.

(Doctrines Secrètes., trang 531, tập II)

= Số 7 là con số thiêng liêng trong mọi thần thoại và biểu tượng.

4 + 3 = 7. Le (7) représente le Pouvoir Magique dans toute sa force.

4 + 3 = 7. Số (7) là biểu thị cực kỳ mạnh mẽ cho Sức Mạnh Ma Thuật.

Trang 616

FRANÇAIS

(La Symétrie est signe de la Mort, tandis que l'Asymétrie est le signe de la Vie).

TIẾNG VIỆT

(Đối xứng là dấu hiệu của Cái Chết, trong khi bất xứng là dấu hiệu của Sự Sống).

Trang 622

FRANÇAIS

27. Gò Mộc Tinh (Mont de Jupiter): được tượng trưng bằng "Con mắt thần" (theo thần thoại Hy Lạp) (Oeil divin). Người có "mắt Thần" có 9ème sens (chứ không phải 6ème sens). "Intuition divine", cần có chiếc nhẫn của Salomon nơi vòng cổ ngón tay trỏ (đủ cặp) mới được.

6ème sens chỉ thấy được bên cõi Astral và Éthérique. Còn 9' sens, thấy tới chỗ 9ème niveau cosmique, tức là Plan Nirvanique (vào Đạo).

TIẾNG VIỆT

27. Gò Mộc Tinh (Mont de Jupiter): được tượng trưng bằng "Con mắt thần" (theo thần thoại Hy Lạp) (Oeil divin). Người có "mắt Thần" có 9ème sens (giác quan thứ 9, chứ không phải 6ème sens, giác quan thứ 6). "Intuition divine" (trực giác thần), cần có chiếc nhẫn của Salomon nơi vòng cổ ngón tay trỏ (đủ cặp) mới được.

Giác quan thứ 6 chỉ thấy được bên cõi Thiên Thể (astral) Bô Đề (éthérique). Còn giác quan thứ 9, thấy tới cõi giới thứ 9, nghĩa là cõi Niết Bàn (vào Đạo).